

CÔNG TY TNHH LÂM NGHIỆP GỖ THANH CHƯƠNG
NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG THANH CHƯƠNG SỐ 2

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ
BẢO TỒN CAO (HCVs) CHO NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG
THANH CHƯƠNG SỐ 2, TỈNH NGHỆ AN



Người thực hiện: TS. Lê Thiện Đức và cộng sự

Người cập nhật: BQL Nhóm CCR Thanh Chương 2

Nghệ An, tháng 8/2025

MỤC LỤC

Contents

TỪ VIẾT TẮT	2
TÓM TẮT	3
1.TỔNG QUAN VỀ RỪNG CÓ GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO	1
1.1.Khái niệm Rừng có giá trị bảo tồn cao	1
1.2.Bộ công cụ HCVF cho Việt Nam	2
2.THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ ĐỊA ĐIỂM ĐÁNH GIÁ	3
2.1.Thông tin chung về Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2	3
2.2.Thông tin chung về Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương	3
2.3.Tình hình chung về diện tích rừng các khu vực đánh giá	3
2.3. Vị trí địa lý	4
2.4. Dân sinh, Kinh tế- xã hội trên địa bàn khu vực cấp chứng chỉ rừng	4
2.5. Tình hình sử dụng đất và cảnh quan	5
2.6.Diện tích rừng trồng đăng ký tham gia Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2	5
2.PHƯƠNG PHÁP, CÔNG CỤ SỬ DỤNG TRONG ĐÁNH GIÁ, THỜI GIAN VÀ NGƯỜI THỰC HIỆN	6
2.1.Phương pháp và công cụ sử dụng trong đánh giá	6
2.2.Thời gian và người thực hiện Thời gian 2024:	7
Nhóm thực hiện tại hiện trường:	7
Chuyên gia rà soát, hiệu đính:.....	7
3.1.Điều tra đa dạng sinh học	8
Mẫu hệ sinh thái đại diện, diện tích có thể bảo tồn:.....	9
3.3.Đánh giá giá trị bảo tồn cao	9
3.2.Tổng hợp các giá trị bảo tồn cao của Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2	15
4.KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	17
4.1.Kết luận	17
4.2.Khuyến nghị	18
TÀI LIỆU THAM KHẢO	19
PHỤ LỤC	20
Phụ lục 1. Mô tả công việc về Đánh giá đa dạng sinh học (ĐDSH) và xác định giá trị bảo tồn cao (HCVs) cho Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2	20
2.Mục đích:	20
3.Nhiệm vụ của tư vấn:	20
4.Phương pháp thực hiện:	21
5.Yêu cầu đối với tư vấn đánh giá:	21
6.Sản phẩm bàn giao:	21
Phụ lục 2. Bảng hỏi đánh giá ĐDSH và giá trị bảo tồn cao tại Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2.....	23
Phụ lục 3. Danh sách các bên liên quan tham gia tham vấn và phỏng vấn	26
Phụ lục 5: Một số hệ sinh thái rừng hiếm có, nguy cấp và đang bị đe dọa ở Việt Nam	35
Phụ lục 6: Tổng hợp các tuyến, điểm khảo sát hiện trường.....	35
Phụ lục 7: Phiếu điều tra.....	37
KHẢO SÁT HIỆN TRƯỜNG	38
Tuyển khảo sát:	39
Tuyển khảo sát:	39

TỪ VIẾT TẮT

ĐDSH	Đa dạng sinh học
FSC	Hội đồng Quản trị Rừng Thế giới (Forest Stewardship Council)
HCV	Giá trị bảo tồn cao (Conservation Value Forest)
HCVF	Rừng có giá trị bảo tồn cao (High Conservation Value Forest)
NNPTNT	Nông nghiệp phát triển nông thôn
IUCN	Tổ chức bảo tồn thiên nhiên thế giới
PV	Phòng vấn
QS	Quan sát
UBND	Ủy ban nhân dân
WWF	Tổ chức quốc tế về bảo tồn thiên nhiên

TÓM TẮT

Từ ngày 06 đến 08 tháng 03 năm 2024, nhóm chuyên gia thực hiện công việc đánh giá đa dạng sinh học (ĐDSH) và xác định giá trị bảo tồn cao (HCV) tại các xã Hoa Quân, Kim Bảng, Đại Đồng, Cát Ngạn, Tam Đồng, Hạnh Lâm, nơi nhóm hộ liên kết với rừng trồng của hộ dân làm chứng chỉ FSC. Năm 2025 Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương 2 mở rộng thêm 3,007.4 ha với 1,289 hộ thành viên tham gia mới. Diện tích mở rộng này thuộc các xã đã được 7 xã nêu trên và các đơn vị mới là xã Xuân Lâm, tỉnh Nghệ An, Công ty TNHH Lâm nghiệp Đô Lương.

Nhóm chúng chỉ rừng Thanh Chương số 2 là đại diện cho 3,314 hộ gia đình trồng rừng với diện tích 7.194.73 ha nằm trên địa bàn các xã Hoa Quân, Kim Bảng, Đại Đồng, Cát Ngán, Tam Đồng, Hạnh Lâm, Xuân Lâm tỉnh Nghệ An Đây và Công ty TNHH Lâm nghiệp Đô Lương. Đây là diện tích rừng trồng trên diện tích đất lâm nghiệp được thực hiện qua các chương trình 327, 661, KfW trước đây và người dân tự trồng từ năm 1990 tới nay. Các mô hình trồng rừng hỗn loài, hỗn giao trước đây nay chuyển sang trồng thuần loài Keo.

Toàn bộ diện tích rừng mà Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 liên kết với hộ dân là rừng trồng Keo thuần loài, một số diện tích trồng rừng hỗ trợ bởi Dự án 327, 661, KfW trước đây. Do vậy, rừng trồng không còn đặc điểm nào giống rừng tự nhiên nữa. Diện tích rừng trồng thuộc Nhóm hộ tham gia chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 của các xã nằm khá xa Vườn quốc gia Pù Mát, phần rừng trồng gần nhất của Nhóm hộ chứng chỉ rừng Thanh Chương 2 thuộc xã Hạnh Lâm nằm cách Vườn quốc gia Pù Mát khoảng 33km, xã Cát Ngạn khoảng 40 km theo đường chim bay.

- Khảo sát nhanh đa dạng sinh học, ghi nhận được 103 loài động, thực vật (xem phụ lục 5). Đây là các loài thông thường xuất hiện ở rừng trồng và những khu rừng tự nhiên liền kề. Rừng trồng không còn đặc điểm nào giống rừng tự nhiên nữa. Có ghi 02 loài ghi nhận được xếp loài quý hiếm trong Sách đỏ Việt Nam hay Nghị định số 06/2019, Nghị Định số 84/2021 (sửa đổi bổ sung Nghị định 06/2019) đó là các loài: Khỉ vàng (*Macaca mulatta*), Rắn hổ mang chúa (*Ophiophagus hannah*). Tuy nhiên, các loài này có phân bố ở rừng tự nhiên thuộc vùng đệm Vườn quốc gia Pù Mát, thỉnh thoảng chúng mới di chuyển đến và xuất hiện gần khu rừng trồng thuộc nhóm hộ Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2. Theo ghi nhận của người dân vào ngày 07/10/2023 có cá thể Voi châu Á (*Elephas maximus*) nằm trong Danh lục đỏ IUCN, cá thể voi đực này bị chết tại khu rừng tự nhiên giáp ranh giữa xã Hạnh Lâm và Thanh Đức cũ (nay là xã Hạnh Lâm), tuy nhiên cá thể voi này sinh sống ở vùng đệm Vườn quốc gia Pù Mát, nó đi lạc vào khu rừng tự nhiên giáp ranh giữa xã Hạnh Lâm và Thanh Đức và bị chết tại đây, nguyên nhân ban đầu được nhận định là do con voi quá già yếu, theo ghi nhận tại hiện trường không có dấu hiệu bị giết hại do hai ngà vẫn còn nguyên vẹn (Nguồn: [Báo Dân trí \(dantri.com.vn/ Bất ngờ phát hiện voi đực chết trong rừng tại Nghệ An\)](http://BaoDanTri.com.vn/Bat-ngor-phat-hien-voi-duc-chiet-trong-rung-tai-Ngh-An): HCV1 không hiện hữu.
- Các diện tích rừng trồng của Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 nằm trên các đồi đất thuộc Diện tích rừng này không có ý nghĩa kết nối. Vì vậy rừng trồng không có đóng góp mang ý nghĩa cảnh quan: HCV2 không hiện hữu.
- Rừng trồng thuần loài Keo, rừng trồng mới phát triển trên đất trống đồi núi trọc từ trước 1994, vì vậy rừng không còn tính chất giống rừng tự nhiên và không có các hệ sinh thái quý hiếm và đặc trưng. Hệ sinh thái bản địa trước khi trở thành đất trống đồi núi trọc là xã Hoa Quân, Kim Bảng, Đại Đồng, Cát Ngạn, Tam Đồng, Hạnh Lâm, Xuân Lâm tỉnh Nghệ An và Công ty TNHH Lâm nghiệp Đô Lương. rừng hỗn loài thường xanh: HCV3 không hiện hữu.

- Phần lớn diện tích rừng trồng nằm trên địa bàn núi đất, nên ngoài yếu tố là rừng sản xuất ra rừng không có chức năng phòng hộ hay hệ sinh thái xung yếu: HCV4 không hiện hữu.
- Không có cộng đồng người dân sống gần với diện tích rừng trồng, Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 sống rải rác trong các thôn, người dân sinh sống cách xa khu vực rừng. Thành phần dân tộc khu vực cấp chứng chỉ rừng có 3 dân tộc Kinh, Thái và Khơ Mú. Số người dân tộc Thái và Khơ Mú khoảng 11.990 người (thống kê 2024) chiếm 2.5 % sống tập trung tại xã Sơn Lâm. Còn lại chiếm đại đa số là người Kinh. Dân số sinh sống chủ yếu ở vùng trung du, dọc các đường giao thông, cuộc sống ổn định. Do quá trình phát triển kinh tế, và thực hiện theo các chủ trương, chính sách của nhà nước về di canh, di cư và phát triển kinh tế, đại bộ phận người dân được dẫn dắt từ các khu vực lân cận và một số ít là đến từ các khu vực tỉnh khác. Do đó, những diện tích rừng trồng này không có ý nghĩa cung cấp nhu cầu cơ bản cho cộng đồng địa phương: HCV5 không hiện hữu.
- Rừng trồng không được cộng đồng sử dụng cho mục đích nhận dạng văn hóa. Có khu di tích Đình Võ Liệt là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia, tuy nhiên không nằm trong diện tích rừng của Nhóm hộ tham gia chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2, các di tích Đền Chùa Sen, Đền Bạch Y, Đền Bạch Mã, Đền Bà Chúa Yển kể trên được coi là các di tích của địa phương và được nhận diện văn hoá, tuy nhiên, chúng đều nằm ngoài diện tích rừng trồng của Nhóm hộ tham gia chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2: HCV6 không hiện hữu.

Do vậy, có thể kết luận là rừng của Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 không có các giá trị bảo tồn cao như định nghĩa trong tiêu chuẩn FSC và trong bộ công cụ về rừng có giá trị bảo tồn cao của ProForest và WWF Việt Nam hướng dẫn xác định.

Mặc dù rừng trồng không có giá trị bảo tồn cao, nhưng để quản lý rừng trồng một cách bền vững, Nhóm hộ tham gia chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 cần quan tâm đến một số khuyến nghị nhằm đảm bảo an toàn về môi trường và xã hội như sau:

- Cần cập nhật bản đồ thể hiện các khu vực vùng đệm ven hồ, dọc các suối nhỏ để tái sinh tự nhiên và trồng thêm cây bản địa (nếu có thể).
- Không được đốt toàn bộ thực bì sau khai thác. Có thể thay thế bằng phương pháp đốt cục bộ (gom theo hàng) và đốt có kiểm soát để không làm hại đến các loài động vật và thảm thực vật.
- Không sử dụng thuốc diệt cỏ và chỉ sử dụng các loại thuốc hoá học trong danh mục cho phép trong quá trình dọn thực bì, chăm sóc cây và bảo vệ sâu bệnh hại.
- Thực hiện giám sát bảo vệ hành lang, vùng đệm ven hồ, suối, hồ, giữ lại các cây tái sinh và thảm thực bì nhằm bảo vệ nguồn nước và bảo vệ hành lang cho các loài động vật. Việc này giúp thúc đẩy tái sinh tự nhiên để các loài của hệ sinh thái bản địa (rừng hỗn loài thường xanh trước đây) có thể khôi phục ở một số diện tích cần bảo vệ.
- Làm việc với Ban quản lý rừng phòng hộ Thanh Chương để xin đưa diện tích 1.047,51 ha vào diện tích bảo tồn nằm ngoài diện tích thực hiện chứng chỉ để phù hợp với yêu cầu của Tiêu chuẩn FSC-FM. Khu vực này là rừng tự nhiên tái sinh nghèo và nghèo kiệt được phát triển trên núi đất thuộc các xã Hạnh Lâm, khu rừng tự nhiên thuộc địa giới hành chính xã Hạnh Lâm.
- Khi nào Nhóm hộ kết nạp thêm rừng trồng của các hộ khác và rừng trồng ở các xã khác vào diện tích làm chứng chỉ thì cần tiến hành xác định và đánh giá giá trị bảo tồn cao bổ sung cho những diện tích mới.

1. TỔNG QUAN VỀ RỪNG CÓ GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO

1.1. Khái niệm Rừng có giá trị bảo tồn cao

Khái niệm về *Rừng có giá trị bảo tồn cao (HCVF)*, ban đầu, được xây dựng trong khuôn khổ của chứng chỉ rừng. Nguyên tắc 9 trong số các nguyên tắc và tiêu chí của Hội đồng Quản trị Rừng Thế giới về chứng chỉ rừng được sử dụng nhằm nhận dạng các giá trị bảo tồn cao và cần được bảo vệ đặc biệt do một hoặc một số đặc trưng có liên quan đến thuộc tính của hệ sinh thái, các dịch vụ môi trường và các giá trị xã hội của chúng.

Nguyên tắc #9: Các giá trị bảo tồn cao

Chủ rừng* phải duy trì và/hoặc cải thiện Các giá trị bảo tồn cao* trong Đơn vị Quản lý* thông qua việc áp dụng phương pháp tiếp cận phòng ngừa*. (P9 P&C V4).

9.1 Chủ rừng*, thông qua sự tham gia* với các bên liên quan bị ảnh hưởng*, các bên liên quan có quan tâm* và các phương tiện và nguồn thông tin khác, phải* đánh giá và báo cáo về sự xuất hiện và tình trạng của các giá trị bảo tồn cao* có trong Đơn vị Quản lý*, tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro* của các tác động của hoạt động quản lý và sự xuất hiện của Các giá trị bảo tồn cao*.

9.2 Chủ rừng* phải phát triển các chiến lược hữu hiệu để duy trì và/hoặc cải thiện các giá trị bảo tồn cao* đã phát hiện thông qua sự tham gia* với các bên liên quan bị ảnh hưởng*, các bên liên quan có quan tâm*, và các chuyên gia. (C9.2 P&C V4).

9.3 Chủ rừng* phải thực hiện các chiến lược và hoạt động duy trì và/hoặc cải thiện các giá trị bảo tồn cao* đã được xác định. Các chiến lược và hoạt động này phải* thực hiện tiếp cận phòng ngừa* và tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro* của các hoạt động quản lý. (C9.3 P&C V4).

9.4 Chủ rừng* phải chứng minh rằng thực hiện việc theo dõi định kỳ để đánh giá những thay đổi về tình trạng của các giá trị bảo tồn cao*, và phải* điều chỉnh thích ứng chiến lược quản lý của mình nhằm đảm bảo sự bảo vệ* hiệu quả* các giá trị đó. Việc giám sát phải tương xứng với quy mô, cường độ và rủi ro* của các hoạt động quản lý và phải có sự tham gia* của các bên liên quan bị ảnh hưởng* và các bên liên quan có quan tâm* và các chuyên gia. (C9.4 P&C V4).

Nguồn: Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng FSC Quốc gia của Việt Nam (FSC-STD-VN-01- 2018).

Để có được những hướng dẫn chi tiết hơn cho các chủ rừng, FSC đưa ra định nghĩa giá trị bảo tồn cao (HCV) mà có một hay nhiều thuộc tính sau:

HCV 1 – Đa dạng loài. Rừng chứa đựng các giá trị đa dạng sinh học như các loài các loài đặc hữu, quý hiếm, bị đe dọa hoặc nguy cấp có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu.

HCV 2 – Hệ sinh thái cấp cảnh quan và sinh thái khảm. Cảnh quan rừng còn nguyên vẹn và các hệ sinh thái cấp sinh cảnh lớn, hệ sinh thái khảm có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu có các quần thể sống của hầu hết các loài xuất hiện tự nhiên theo kiểu phân bố và độ phong phú tự nhiên.

HCV 3 – Các hệ sinh thái và sinh cảnh. Các hệ sinh thái, sinh cảnh hoặc nơi ẩn náu của các loài hiếm, bị đe dọa, hoặc nguy cấp.

HCV 4 – Dịch vụ hệ sinh thái xung yếu. Dịch vụ hệ sinh thái cơ bản trong các tình huống xung yếu, bao gồm khu vực bảo vệ của vùng đầu nguồn nước và kiểm soát xói mòn đất và những vùng đất dốc dễ bị tổn thương.

HCV 5 – Các nhu cầu của cộng đồng. Các địa điểm và tài nguyên cơ bản để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương hoặc người dân dân tộc (về sinh kế, sức khỏe, dinh dưỡng, nước, v.v.), được xác định thông qua sự tham gia với các cộng đồng hoặc người dân tộc.

HCV 6 – Các giá trị văn hóa. Các địa điểm, tài nguyên, sinh cảnh và cảnh quan có ý nghĩa quốc gia hoặc toàn cầu về văn hóa, khảo cổ học hoặc lịch sử, và/hoặc có tầm quan trọng đặc biệt về văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo/tâm linh quan trọng đối với các nền văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương hoặc người dân bản địa, được xác định thông qua sự tham gia với cộng đồng địa phương hoặc người dân tộc. (C9.1 P&C V4 và Motion 2014#7).

Vì vậy một khu rừng được coi là một HCV nếu nó bao gồm một hay nhiều giá trị được nêu ở trên. Điểm then chốt của nguyên tắc này chính là khái niệm về *các giá trị*. HCV không liên quan đến việc bảo tồn một loài hiếm có đơn lẻ hay các quyền của cộng đồng. Khái niệm này tổng quát hơn và vì vậy cũng khó định nghĩa hơn. Các giá trị có liên quan nhiều hơn đến chức năng của một khu rừng ở quy mô địa phương, khu vực hay toàn cầu. Những chức năng này có thể là những chức năng cụ thể như phòng hộ rừng đầu nguồn hoặc duy trì nguồn thực phẩm cho người dân địa phương. Tuy nhiên nó cũng bao gồm nhiều yếu tố mang tính lý thuyết hơn như một quần thể loài đặc hữu có thể không có giá trị kinh tế rõ ràng nhưng có tầm quan trọng trong việc bảo tồn đa dạng sự sống.

1.2. Bộ công cụ HCVF cho Việt Nam

HCVF phù hợp với Việt Nam nơi bối cảnh sinh thái, môi trường và xã hội đảm bảo rằng hầu hết những người sử dụng rừng tự nhiên đang hoạt động trong một khu rừng có giá trị bảo tồn cao. Khái niệm này, tuy còn mới đối với Việt Nam và có thể dẫn tới một số nhầm lẫn. Để giải quyết vấn đề này, WWF Việt Nam đã tiến hành một quy trình xây dựng một bộ hướng dẫn nhằm hỗ trợ việc xác định HCVF ở Việt Nam. Tài liệu này, được biết đến như là bộ công cụ về HCVF (WWF VN 2008), là sự phỏng theo bộ công cụ HCVF chung do ProForest xây dựng (ProForest 2003). Bộ công cụ này được thiết kế nhằm giúp đỡ các bên có liên quan xác định xem có HCVF hay không và cung cấp một số hướng dẫn về cách quản lý và giám sát các khu vực này.

Bộ công cụ cho Việt Nam bao gồm các tiêu chí và chỉ số về những gì biểu trưng cho HCVF ở Việt Nam. Bộ công cụ dẫn dắt người sử dụng qua một sê-ri câu hỏi nhằm giúp xác định các giá trị hiện có.

2. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ ĐỊA ĐIỂM ĐÁNH GIÁ

2.1. Thông tin chung về Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

Nhóm Chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 được thành lập theo Quyết định 01/QĐ-LNGTC/2024 ngày 02/02/2024 của Công ty TNHH Lâm nghiệp Gỗ Thanh Chương trên cơ sở quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của UBND Thanh Chương về việc mở rộng diện tích, bổ sung đơn vị cấp chứng chỉ rừng FSC. Công ty TNHH Lâm nghiệp Gỗ Thanh Chương là đại diện tư cách pháp nhân xin cấp chứng chỉ.

Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 được thành lập theo quyết định số: 04/QĐ-LNGTC/2024 ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương về việc thành lập ban quản lý đại diện cho các nhóm chứng chỉ rừng thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tại 11 xã Thanh An, Võ Liệt, Thanh Thịnh, Thanh Ngọc, Thanh Liên, Thanh Nho, Thanh Mỹ, Thanh Đức, Hạnh Lâm, Thanh Khê và Thanh Chi (các xã cũ thuộc huyện Thanh Chương cũ). Và quyết định kiện toàn Ban quản lý nhóm hộ Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng FSC Thanh Chương 2 số 01/QĐ-LNGTC ngày 11/08/2025.

Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 là tổ chức tự nguyện, hoạt động theo quy chế được ban về quản lý rừng bền vững được các cấp phê duyệt, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và chịu sự quản lý nhà nước, UBND cấp xã, cơ quan chuyên môn và các phòng ban ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của nhóm. Nhóm là một tổ chức được liên kết từ các ban về quản lý rừng trồng bền vững với các người dân tại xã Hoa Quân, Kim Bảng, Đại Đồng, Cát Ngạn, Tam Đồng, Hạnh Lâm, Xuân Lâm tỉnh Nghệ An và Công ty TNHH Lâm nghiệp Đô Lương với diện tích 7,194.73 ha.

2.2. Thông tin chung về Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương

Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương là đại diện cho các thành viên trong nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 và quản lý các hoạt động liên quan đến công tác tổ chức quản lý nhóm và quản lý rừng để thúc đẩy trồng rừng và cải thiện môi trường rừng trồng để cấp chứng chỉ FSC và bao tiêu nguyên liệu cho hộ gia đình.

Địa chỉ: Phòng 506, tòa nhà VCCI, số 1 đường Lê Nin, Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

2.3. Tình hình chung về diện tích rừng các khu vực đánh giá

Diện tích rừng trồng hiện có được đưa vào chứng chỉ FSC là khoảng 7,194.73 ha rừng trồng Keo thuần loài của 3.314 hộ thuộc 7 xã của tỉnh Nghệ An gồm Kim Bảng, Hoa Quân, Đại Đồng, Tam Đồng, Cát Ngạn, Hạnh Lâm, Xuân Lâm và Công ty TNHH Lâm nghiệp Đô Lương.

Bảng 01: Diện tích rừng các khu vực đánh giá

Xã/Đơn vị	Số hộ	Số lô	Diện tích FSC (ha)	Diện tích sử dụng (ha)	Diện tích HLVS (ha)
Cát Ngạn	443	706	731.10	728.88	2.22
Cty LN Đô Lương	227	505	955.53	953.46	4.43
Đại Đồng	251	367	338.06	335.39	2.67
Hạnh Lâm	750	1398	2,390.77	2,375.41	22.00
Hoa Quân	538	878	1,079.05	1,070.74	8.31
Kim Bảng	305	469	259.83	256.75	3.08
Tam Đồng	527	858	1,027.62	1,049.12	20.92

Xuân Lâm	273	438	412.77	412.03	1.25
Grand Total	3,314	5619	7,194.73	7,181.78	64.88

Toàn bộ diện tích đất rừng trồng khu vực được đánh giá đã được giao cho các hộ gia đình sử dụng, tự tổ chức quản lý bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng và sâu bệnh hại.

Các hộ gia đình được giao đất trồng rừng đã có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất lâm nghiệp. Công tác trồng rừng được thực hiện qua các chương trình 327, 661, KfW và nay là tự các hộ dân trồng rừng, các mô hình trồng rừng hiện nay chủ yếu là trồng thuần loài Keo.

2. 3. Vị trí địa lý

Vị trí địa lý của các khu rừng được đánh giá phân bố rộng khắp tại các thôn của 7 xã của tỉnh Nghệ An: Kim Bảng, Hoa Quân, Xuân Lâm, Đại Đồng, Tam Đồng, Cát Ngán, Hạnh Lâm (thuộc huyện Thanh Chương cũ) và diện tích rừng giao khoán thuộc Công ty TNHH Lâm nghiệp Đô Lương quản lý. Địa hình tự nhiên chủ yếu là đồi thấp, có độ dốc bình quân từ 10-25 độ và thuận lợi cho phát triển các hoạt động lâm nghiệp. Tất cả các khu rừng đều đã được thiết lập đường vận xuất, thuận tiện cho công tác trồng rừng, chăm sóc và khai thác rừng.

2. 4. Dân sinh, Kinh tế- xã hội trên địa bàn khu vực cấp chứng chỉ rừng

Về dân số: Tổng dân số của khu vực cấp chứng chỉ rừng (Huyện Thanh Chương và huyện Đô Lương cũ) khoảng người khoảng 479.209 người. Mật độ dân cư là khá thưa và phân bố rải rác theo các cụm xóm nơi có địa hình tương đối bằng phẳng và thuận tiện giao thông. Các hộ dân cư trong xóm tại các xã cũng thường phân tán theo các khu vực diện tích đất được quản lý. Có các khu vực cộng đồng sinh sống nằm gần hoặc trong khu vực rừng trồng.

Về dân tộc:

Thành phần dân tộc khu vực cấp chứng chỉ rừng có 3 dân tộc Kinh, Thái và Khơ Mú. Số người dân tộc Thái và Khơ Mú khoảng 11.990 người (thống kê 2024) sống tập trung tại xã Sơn Lâm. Còn lại chiếm đa số là người Kinh. Dân số sinh sống chủ yếu ở vùng trung du, dọc các đường giao thông, cuộc sống ổn định. Do quá trình phát triển kinh tế, và thực hiện theo các chủ trương, chính sách của nhà nước về di canh, di cư và phát triển kinh tế, đại bộ phận người dân được dân từ các khu vực lân cận và một số ít là đến từ các khu vực tỉnh khác.

Cơ sở hạ tầng:

Hệ thống đường giao thông tại các địa bàn thuộc Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 đang thực hiện các hoạt động kinh doanh rừng trồng được xây dựng theo các chương trình trọng điểm quốc gia về xóa đói giảm nghèo trước đây (30A, 135..) và chương trình nông thôn mới. Đường liên xã, đường liên xóm với phần lớn được trải nhựa và bê tông hóa chiếm trên 90% do địa phương quản lý. Giao thông thuận lợi cho việc di chuyển và sản xuất nông lâm nghiệp. Tình trạng giao thông ở các địa điểm đánh giá tác động xã hội được đánh giá từ mức trung bình đến tốt.

Đường lâm nghiệp (phục vụ trồng rừng và vận xuất gỗ) đã được hình thành và thiết kế ở tất cả các khu vực rừng trồng. Các con đường này được nối với các trục đường giao thông chính và khu sản xuất nông nghiệp là chủ yếu.

Sản xuất nông -lâm –nưg nghiệp trên địa bàn huyện:

- Trồng trọt: Đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu lương thực cho cuộc sống hàng ngày. Cây trồng trên đất nông nghiệp chủ yếu là cây lương thực (lúa, ngô, khoai, sắn...), ngoài ra còn có một số cây công nghiệp ngắn ngày (Đậu tương, Lạc...), cây công nghiệp dài ngày (Chè, Hồ tiêu...) và các loài cây ăn quả, cây hàng năm khác. Năng suất lúa bình quân đạt 51 tạ/ha, bình quân lương thực đầu người đạt 420 kg/người/năm. Là khu vực có dân số cao, đất nông nghiệp hạn hẹp, trình độ canh tác lạc hậu đã gây sức ép đối với đất đai, tài nguyên rừng.

- Chăn nuôi: Do có lợi thế về đất đai nên chăn nuôi Trâu, Bò phát triển và chiếm ưu thế trong các loại hình chăn nuôi trên địa bàn. Tuy nhiên ngành chăn nuôi của địa phương vẫn chưa phát triển tương xứng với tiềm năng tự nhiên. Toàn huyện hiện có 27.032 con trâu, đàn bò 49.522 con, lợn 94.429 con và gia cầm 1.116 ngàn con. Hình thức chăn nuôi chủ yếu là thả rông, do đó ảnh hưởng không nhỏ đến các hoạt động sản xuất lâm nghiệp, nhất là công tác trồng rừng và khoanh nuôi phục hồi rừng.

- Thủy sản: Nuôi thủy sản mới phát triển với quy mô nhỏ trong các hộ gia đình. Toàn huyện có 494,1 ha ao, hồ của các hộ gia đình, có 748 ha hồ, đập do nhà nước quản lý có nuôi trồng thủy sản cho sản lượng 1.978 tấn/năm. Do điều kiện địa hình dốc, thường xảy ra lũ, nuôi cá ao gặp nhiều rủi ro nên nhân dân đầu tư thâm canh còn hạn chế.

2. Lâm nghiệp: Những năm trước đây rừng tự nhiên bị khai thác quá mức, khai thác lạm vào vốn rừng, dẫn đến diện tích, chất lượng rừng bị giảm sút. Thực hiện chủ trương của Nhà nước tiến tới đóng cửa rừng tự nhiên. Đối tượng khai thác là các lô rừng trồng nguyên liệu. Nhìn chung công tác kiểm tra giám sát việc khai thác đối với các chủ rừng đã đi vào nề nếp, tuy nhiên tình trạng khai thác và vận chuyển gỗ trái phép vẫn còn xảy ra. Hàng năm trên địa bàn còn khai thác một lượng lớn lâm sản khoảng 20.000 m³ gỗ nguyên liệu; 1,5 ngàn ster củi; 0,5 triệu cây tre nứa; 120 tấn song mây....- Hiện tại trên địa bàn có 5 cơ sở chế biến lâm sản (chủ yếu là doanh nghiệp tư nhân). Ngoài các doanh nghiệp trên còn có rất nhiều cơ sở chế biến lâm sản tồn tại dưới các hình thức tổ hợp, tổ mộc tại gia...- Sản phẩm chế biến chủ yếu là gỗ xẻ xây dựng cơ bản, ván sàn, đồ mộc gia dụng, đồ mộc mỹ nghệ, mộc truyền thống.... Quy mô nhìn chung còn nhỏ bé, chủng loại sản phẩm đơn điệu, chất lượng sản phẩm chưa cao, chủ yếu phục vụ nhu cầu nội vùng và trong tỉnh, chưa khai thông được thị trường xuất khẩu.

5. Tình hình sử dụng đất và cảnh quan

Diện tích rừng trồng được đánh giá đa dạng sinh học và giá trị bảo tồn cao của Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 là phát triển trên đất trống đồi núi trọc trước đó. Các xã Kim Bảng, Hoa Quân, Xuân Lâm, Đại Đồng, Tam Đồng, Cát Ngạn, Hạnh Lâm (thuộc huyện Thanh Chương cũ) và diện tích rừng giao khoán thuộc Công ty TNHH Lâm nghiệp Đô Lương quản lý đều thuộc vùng bán sơn địa. Diện tích đất lâm nghiệp chủ yếu nằm trên các đồi đất thuộc địa hình bán sơn địa. Toàn bộ diện tích rừng mà Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 liên kết với hộ dân là rừng trồng Keo thuần loài.

Các hoạt động lâm nghiệp của người dân tập trung chủ yếu theo các hạng mục công việc trồng, chăm sóc và quản lý bảo vệ, phòng chống cháy rừng. Việc khai thác rừng lại được thực hiện chủ yếu bởi các thương lái và thuê lực lượng lao động nông nhàn tại địa phương.

2.6. Diện tích rừng trồng đăng ký tham gia Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

Bảng 02: Diện tích rừng trồng các hộ đăng ký tham gia FSC

TT	Đơn vị (xã)	Diện tích đăng ký tham gia FSC (ha)	Trong đó diện tích (ha)		
			Thực trồng	Loài cây khác	Phụ trợ
1	Cát Ngạn	731.10	728.88	0	0
2	Cty LN Đô Lương	955.53	953.46	0	0
3	Đại Đồng	338.06	335.39	0	0
4	Hạnh Lâm	2,390.77	2,375.41	0	0
5	Hoa Quân	1,079.05	1,070.74	0	0
6	Kim Bảng	259.83	256.75	0	0
7	Tam Đồng	1,027.62	1,049.12	0	0
8	Xuân Lâm	412.77	412.03	0	0
Tổng		7,194.73	7,181.78	0	0

2. PHƯƠNG PHÁP, CÔNG CỤ SỬ DỤNG TRONG ĐÁNH GIÁ, THỜI GIAN VÀ NGƯỜI THỰC HIỆN

2.1. Phương pháp và công cụ sử dụng trong đánh giá

Phương pháp định tính và định lượng đã được sử dụng trong quá trình thu thập số liệu và thông tin, kiểm tra ngoài hiện trường.

Nhóm đánh giá đã sử dụng các phương pháp tiếp cận khác nhau (dựa trên điều khoản tham chiếu cho tư vấn đánh giá tại phụ lục 1) để thu thập các thông tin cần thiết, bao gồm:

- (i) Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp và rà soát lại các tài liệu có liên quan, bao gồm (i) Số liệu về rừng trồng tên toàn xã và số liệu rừng trồng của các hộ tham gia Nhóm FSC, (ii) Sổ tay quản lý nhóm, và (iii) các tài liệu dân sinh kinh tế xã hội và tài liệu khác có liên quan;
- (ii) Các cuộc họp tham vấn nhanh với cán bộ Nhóm hộ chứng chỉ rừng, các xã;
- (iii) Phỏng vấn nhanh đại diện các hộ dân tham gia vào chứng chỉ rừng FSC, đại diện lãnh đạo các xã, cán bộ địa chính, cán bộ nông lâm, cán bộ kiểm lâm địa bàn các xã;
- (iv) Đánh giá thực tế tại hiện trường, thăm một số lô rừng đi theo tuyến, điểm;
- (v) Phân tích kết quả các cuộc họp, các kết quả và thông tin thu được trong quá trình phỏng vấn và đánh giá thực tế tại hiện trường dựa trên chỉ dẫn của Bộ công cụ đánh giá HCVF của Việt Nam.

Các phương pháp và kỹ thuật cụ thể đã áp dụng bao gồm:

1. Bảng danh mục các thông tin thứ cấp cần thiết được gửi vào trước cho Nhóm cán bộ hộ hỗ trợ chứng chỉ rừng Thanh Chương để chuẩn bị sẵn cho đợt đánh giá (Phụ lục 2, Phụ lục 8);

2. Giới thiệu cho các cán bộ của Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 về mục đích của đợt đánh giá, các thông tin thiết yếu liên quan tới HCV và Bộ Công cụ xác định HCVF của Việt Nam;

3. Tiến hành thảo luận và quyết định kế hoạch chi tiết trong thời gian đánh giá như: các đối tượng cần phỏng vấn, các hỗ trợ về thủ tục hành chính, phương tiện cần thiết, địa bàn đi hiện trường, ...;

4. Nhóm đánh giá tiến hành phỏng vấn dân địa phương (vì thiếu các thông tin sẵn có) về các loài động thực vật, hệ sinh thái rừng và cũng tiến hành khảo sát đánh giá tại một số tuyến, điểm trong rừng trồng để kiểm chứng thêm thông tin. Nhóm đánh giá cũng làm việc với các đối tượng/bên liên quan tại địa phương thông qua phỏng vấn linh hoạt và bán định hướng. Các nội dung đánh giá (6 HCVs) được các nhóm thực hiện trên cơ sở vận dụng Bộ Công cụ xác định HCVF của Việt Nam và tham vấn với các bên liên quan;

5. Kết quả thu thập từ hiện trường thường được phân tích và kiểm chứng ngay sau mỗi ngày đi hiện trường, có sử dụng các thông tin thứ cấp và điều tra bổ sung của cán bộ Nhóm hộ chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2.

6. Thông tin thu thập được giữa các nhóm được thống nhất với nhau để phục vụ cho viết báo cáo đánh giá;

7. Tra cứu các tình trạng bảo tồn các loài dựa vào Danh lục IUCN, Sách đỏ Việt Nam và Nghị định 06/2019 và NĐ 84/2021.

8. Báo cáo hoàn thiện sau đó được gửi đi cho các bên liên quan để tham vấn.

2.2. Thời gian và người thực hiện

Thời gian 2024:

Trong thời gian thu thập số liệu, từ ngày 06 đến 08 tháng 03 năm 2024, nhóm đánh giá đa dạng sinh học (ĐDSH) và xác định giá trị bảo tồn cao (HCV) thực hiện công việc đánh giá tại hiện trường trong đó có họp tham vấn với các bên liên quan, phỏng vấn lãnh đạo xã, cán bộ xã, kiểm lâm địa bàn, đại diện hộ dân (xem Phụ lục 3) và khảo sát thực tế rừng trồng tại các hộ gia đình: Đặng Minh Chương, Nguyễn Công Tùng, Tiểu khu 996, Tiểu khu 978, Trần Đình Chung, Đền Chùa Sen, Đền Bạch Y, Đền Bạch Mã, Đình Võ Liệt, khu rừng Đá Bạc, Đập 11/10, Đập 32, Rừng Khe Lài, Rừng Đồng Nhộn, Tiểu Khu Hồ Đá Bải – Tiểu khu 978S, Khu rừng Đại Can, Trần Ngọc Long, Bùi Hữu Kỳ, Đập Bang Nhượng, Đập Bàu Và, Đền Bà Chúa Yên tại 09 xã Thanh An, Võ Liệt, Thanh Thịnh, Thanh Ngọc, Thanh Liên, Thanh Nho, Thanh Mỹ, Thanh Đức và Hạnh Lâm (các xã cũ của huyện Thanh Chương cũ) (xem Phụ lục 6) nơi có diện tích rừng trồng thuộc Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2



Ảnh 1: Làm việc với xã Võ Liệt



Ảnh 2: Đập Bang Nhượng

Nhóm thực hiện tại hiện trường:

1. Lê Hữu Oánh – Tư vấn độc lập, chuyên gia đánh giá HCV, chuyên sâu về động vật
2. Nguyễn Thế Cường – Tư vấn độc lập, chuyên gia đánh giá ĐDSH, chuyên sâu về thực vật, lâm sản ngoài gỗ
3. Lê Đình Duy – Tư vấn độc lập, chuyên gia đánh giá HCV
4. Lê Phùng Diệu, Nguyễn Thọ Văn, Nguyễn Xuân Hoan, Nguyễn Trần Tình – Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương - hỗ trợ

Chuyên gia rà soát, hiệu đính:

TS. Lê Thiện Đức- Tư vấn độc lập, chuyên gia ĐDSH và HCV.

Thời gian 2025:

Năm 2025 tiến hành khảo sát, phỏng vấn, đánh giá đa dạng sinh học và xác định giá trị bảo tồn cao (HCVs) phần diện tích mở rộng thuộc khu vực xã Xuân Lâm và Công ty TNHH Lâm nghiệp Đô Lương. Bao gồm phỏng vấn lãnh đạo xã Xuân Lâm, Công ty TNHH Lâm nghiệp Đô Lương, phỏng vấn thôn trưởng và hộ dân thôn Lam Thắng, Lam Hồng thuộc xã Xuân Lâm; trạm trưởng và hộ dân thuộc trạm Mỹ Sơn, Quyết Thắng, Giang Sơn Tây thuộc Công ty TNHH Lâm nghiệp Đô Lương. Tiến hành điều tra theo tuyến tại khu vực rừng trồng của thôn Lam Thắng, Lam Hồng, trạm Mỹ Sơn, Quyết Thắng, Giang Sơn Tây (xem Phụ lục 3).

Những người thực hiện khảo sát, phỏng vấn và đánh giá hiện trường là các thành viên thuộc Ban quản lý nhóm CCR Thanh Chương số 2.

3. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BẢO TỒN CAO

3.1. Điều tra đa dạng sinh học

Để đánh giá các giá trị bảo tồn cao thì cần phải biết khu vực rừng trồng của nhóm hộ có những giá trị đa dạng sinh học về loài nào. Từ trước đến nay chưa có bất kỳ một báo cáo đánh giá tài nguyên rừng thực hiện ở khu vực. Do đó, trong quá trình đánh giá HCVs, nhóm đánh giá đã quan sát theo tuyến, điểm và tiến hành phỏng vấn các bên liên quan, hộ dân để có được thông tin về loài, nhóm đã ghi nhận được 103 loài động-thực vật. Dưới đây là ghi nhận số lượng loài động thực vật đã ghi nhận được (chi tiết xem Phụ lục 5) như bảng sau:

Bảng 03. Thành phần loại động vật và thực vật ghi nhận

STT	Lớp/Nhóm	Số lượng loài
1	Linh trưởng	01
2	Thú	11
3	Chim	28
4	Bò sát	14
5	Lưỡng cư	7
6	Cá	11
7	Thực vật	31
	Tổng cộng	103

Nguồn: Kết quả đánh giá HCV năm 2025

Đa số các loài ghi nhận được qua phỏng vấn, vì vậy danh lục về loài (Phụ lục 4) có một số loài chúng tôi chỉ xác định được đến chi/giống. Có thể thấy, thành phần loài động thực vật tại khu vực rừng trồng của Nhóm hộ và một số diện tích rừng tự nhiên lân cận có số lượng loài chủ yếu là các loài thông thường, chỉ có 02 loài ghi nhận được xếp loài quý hiếm trong Sách đỏ Việt Nam hay Nghị định số 06/2019, Nghị Định số 84/2021 đó là các loài: Khỉ vàng (*Macaca mulatta*), Rắn hổ mang chúa (*Ophiophagus hannah*). Tuy nhiên, các loài này có phân bố ở rừng tự nhiên thuộc vùng đệm Vườn quốc gia Pù Mát, thỉnh thoảng chúng mới di chuyển đến và xuất hiện gần khu rừng trồng thuộc nhóm hộ Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2. Theo ghi nhận của người dân vào ngày 07/10/2023 có cá thể Voi châu Á (*Elephas maximus*) nằm trong Danh lục đỏ IUCN, cá thể voi đực này bị chết tại khu rừng tự nhiên giáp ranh giữa xã Hạnh Lâm và Thanh Đức (nay là xã Hạnh Lâm), tuy nhiên cá thể voi này sinh sống ở vùng đệm Vườn quốc gia Pù Mát, nó đi lạc vào khu rừng tự nhiên giáp ranh giữa xã Hạnh Lâm và Thanh Đức và bị chết tại đây, nguyên nhân ban đầu được nhận định là do con voi quá già yếu, theo ghi nhận tại hiện trường không có dấu hiệu bị giết hại do hai ngà vẫn còn nguyên vẹn: HCV1 không hiện hữu..

Mẫu hệ sinh thái đại diện, diện tích có thể bảo tồn:

Nhóm đánh giá đã khảo sát và đề xuất khu vực rừng tự nhiên mà Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 muốn đưa vào diện tích bảo tồn nằm ngoài diện tích thực hiện chứng chỉ để phù hợp với yêu cầu của Tiêu chuẩn FSC-FM. Khu vực này có diện tích 1.047,51ha chủ yếu thuộc khu vực rừng tự nhiên tái sinh nghèo và nghèo kiệt được phát triển trên núi đất thuộc các xã Thanh Đức và Hạnh Lâm (nay là xã Hạnh Lâm), khu rừng tự nhiên thuộc địa giới hành chính xã Hạnh Lâm và xã Thanh Đức do Ban quản lý rừng phòng hộ Thanh Chương quản lý có vị trí như sau:

+ Khoảnh 8, 9, 11 và 12 - tiểu khu 974. Diện tích 260,03ha

+ Khoảnh 3, 4, 5 và 6 - tiểu khu 975A. Diện tích 314,04ha

+ Khoảnh 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 và 15 – Tiểu khu 975B. Diện tích 473,19ha

Khu vực này được xem là diện tích mẫu đại diện tự nhiên, đây là hệ sinh thái núi đất với thảm thực vật tái sinh trên núi đất. Thực tế, diện tích này thuộc quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ Thanh Chương đang bảo vệ cấm các hoạt động khai thác, chặt phá cây, săn bắt động vật trái phép. Diện tích này phù hợp để Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 có thể phối hợp quản lý, bảo vệ với Ban quản lý rừng phòng hộ Thanh Chương để đáp ứng tiêu chí 10% diện tích mẫu đại diện.

3.3. Đánh giá giá trị bảo tồn cao

HCV1: Đa dạng loài. Rừng chứa đựng các giá trị đa dạng sinh học như các loài các loài đặc hữu, quý hiếm, bị đe dọa hoặc nguy cấp có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu.

1.1: Các khu bảo vệ:

Khu rừng này có phải là rừng đặc dụng đã công nhận hoặc được đề xuất hay không?

Không. Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 là đại diện cho 3,314 hộ gia đình trồng rừng với diện tích 7,194.73 ha nằm trên địa bàn các xã Kim Bảng, Hoa Quân, Xuân Lâm, Đại Đồng, Tam Đồng, Cát Ngạn, Hạnh Lâm (thuộc huyện Thanh Chương cũ) và diện tích rừng giao khoán thuộc Công ty TNHH Lâm nghiệp Đô Lương quản lý. Đây là diện tích rừng trồng trên diện tích đất lâm nghiệp được thực hiện qua các chương trình 327, 661, KfW và người dân tự trồng từ năm 1990 tới nay. Các mô hình trồng rừng hỗn loài, hỗn giao trước đây nay chuyển sang trồng thuần loài Keo.

Khu rừng này có liên kết với rừng đặc dụng không?

Không. Diện tích rừng trồng của Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 không nằm liền kề hoặc nằm trong vùng đệm với bất cứ khu rừng đặc dụng nào. Diện tích rừng trồng của các hộ tham gia Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 nằm khá xa Vườn quốc gia Pù Mát, phần rừng trồng gần nhất của Nhóm hộ chứng chỉ rừng Thanh Chương 2 thuộc xã Hạnh Lâm nằm cách Vườn quốc gia Pù Mát khoảng 33km, xã Cát Ngạn khoảng 40 km theo đường chim bay.

Khu rừng này có tính chất, đặc điểm tương tự như khu rừng đặc dụng liền kề không?

Không. Toàn bộ diện tích rừng mà Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 liên kết với hộ dân là rừng trồng Keo thuần loài. Do vậy, rừng trồng không còn đặc điểm nào giống rừng tự nhiên nữa.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**.

1.2: Các loài bị đe dọa và nguy cấp:

Có nhiều loài được liệt kê trong danh sách các loài bị đe dọa và nguy cấp của Việt Nam được tìm thấy trong khu rừng này không?

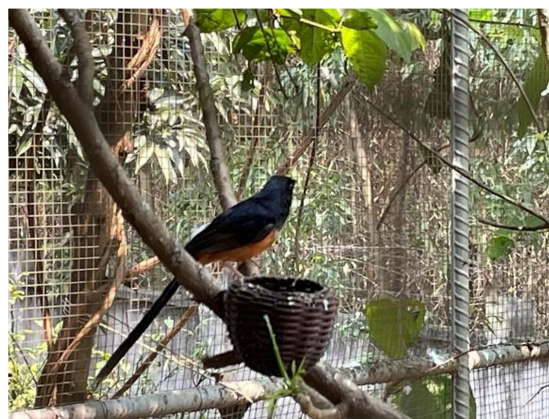
Không. Qua phỏng vấn nhanh cán bộ Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 và các hộ dân sống gần rừng, chúng tôi chỉ ghi nhận một số loài động vật thông thường và không có loài quý hiếm trong Danh lục đỏ IUCN, chỉ có 02 loài ghi nhận được xếp loài quý hiếm trong Sách đỏ Việt Nam hay Nghị định số 06/2019, Nghị Định số 84/2021 (sửa đổi bổ sung Nghị định 06/2019) đó là các loài: Khỉ vàng (*Macaca mulatta*), Rắn hổ mang chúa (*Ophiophagus hannah*). Tuy nhiên, các loài này có phân bố ở rừng tự nhiên thuộc vùng đệm Vườn quốc gia Pù Mát, thỉnh thoảng chúng mới di chuyển đến và xuất hiện gần khu rừng trồng thuộc nhóm hộ Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2. Theo ghi nhận của người dân vào ngày 07/10/2023 có cá thể Voi châu Á (*Elephas maximus*) nằm trong Danh lục đỏ IUCN, cá thể voi đực này bị chết tại khu rừng tự nhiên giáp ranh giữa xã Hạnh Lâm và Thanh Đức (nay là xã Hạnh Lâm), tuy nhiên cá thể voi này sinh sống ở vùng đệm Vườn quốc gia Pù Mát, nó đi lạc vào khu rừng tự nhiên giáp ranh giữa xã Hạnh Lâm và Thanh Đức và bị chết tại đây, nguyên nhân ban đầu được nhận định là do con voi quá già yếu, theo ghi nhận tại hiện trường không có dấu hiệu bị giết hại do hai ngà vẫn còn nguyên vẹn: HCV1 không hiện hữu. (xem Phụ lục 5 để có thông tin chi tiết).

Tại thời điểm này, khu rừng có được đánh giá là có tầm quan trọng đa dạng sinh học?

Không. Tính cho đến thời điểm hiện nay, chưa có báo cáo chuyên môn nào chỉ ra rằng khu vực rừng trồng này có tầm quan trọng về đa dạng sinh học. Qua phỏng vấn nhanh, chỉ ghi nhận một số loài động vật thông thường, có ghi nhận chỉ có 02 loài ghi nhận được xếp loài quý hiếm trong Sách đỏ Việt Nam hay Nghị định số 06/2019, Nghị Định số 84/2021 (sửa đổi bổ sung Nghị định 06/2019) đó là các loài: Khỉ vàng (*Macaca mulatta*), Rắn hổ mang chúa (*Ophiophagus hannah*). Theo ghi nhận của người dân vào ngày 07/10/2023 có cá thể Voi châu Á (*Elephas maximus*) nằm trong Danh lục đỏ IUCN, cá thể voi đực này bị chết tại khu rừng tự nhiên giáp ranh giữa xã Hạnh Lâm và Thanh Đức, tuy nhiên cá thể voi này sinh sống ở vùng đệm Vườn quốc gia Pù Mát, nó đi lạc vào khu rừng tự nhiên giáp ranh giữa xã Hạnh Lâm và Thanh Đức (nay là xã Hạnh Lâm) và bị chết tại đây, nguyên nhân ban đầu được nhận định là do con voi quá già yếu, theo ghi nhận tại hiện trường không có dấu hiệu bị giết hại do hai ngà vẫn còn nguyên vẹn: HCV1 không hiện hữu..



Ảnh 3: Ghi nhận gà rừng nuôi nhốt



Ảnh 4: Ghi nhận chim chích chòe lửa nuôi

Rừng này có nằm trong khu vực trước đây được ghi nhận là có tầm quan trọng về đa dạng sinh học không?

Không. Tính cả trước đây và cho đến thời điểm hiện nay, chưa có báo cáo chuyên môn nào chỉ ra rằng khu vực rừng trồng này nằm trong khu vực trước đây được đánh giá là có tầm quan trọng đa dạng sinh học.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**.

1.3: Loài đặc hữu:

Có một loài đặc hữu hoặc cận đặc hữu bị đe dọa nào được ghi nhận ở khu rừng này không?

Không. Chưa có báo cáo điều tra đa dạng sinh học nào được thực hiện từ trước cho đến nay tại đây. Qua phỏng vấn nhanh cán bộ Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 và người dân địa phương, nhóm đánh giá ghi nhận được 103 loài động, thực vật. Tuy nhiên trong số này, không ghi nhận được thông tin về loài đặc hữu hoặc bán đặc hữu nào còn phân bố tự nhiên ở khu vực.

Khu rừng này có nằm trong vùng trước đây được nhận biết là có tính đặc hữu cao không?

Không. Chưa có báo cáo chuyên môn nào ghi nhận khu vực này có tính đặc hữu cao.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**.

1.4: Công dụng quan trọng theo thời gian:

Có các nguồn thức ăn/ khu đất ngập nước/các quần xã di cư hiện hữu trong khu rừng này vào một số thời điểm hay thời gian nào không?

Không. Không có khu vực nào như vậy tại diện tích rừng do Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 quản lý.

Có phải những tài nguyên này rất quan trọng đối với sự tồn tại của quần thể hay quần xã sinh học không?

Không. Không có khu vực nào có các quần thể loài quan trọng tại diện tích rừng do Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 quản lý.

Khu rừng này có phải nằm trong khu được đề xuất vào các phân hạng khác (đất ngập nước, bảo tồn biển, ...) trong hệ thống bảo tồn hay không?

Không. Khu rừng thuộc Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 hoàn toàn không phải là được đề xuất vào các phân hạng khác (đất ngập nước, bảo tồn biển, ...) nào cả.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**.

HVC2: Hệ sinh thái cấp cảnh quan và sinh thái khảm. Cảnh quan rừng còn nguyên vẹn và các hệ sinh thái cấp sinh cảnh lớn, hệ sinh thái khảm có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu có các quần thể sống của hầu hết các loài xuất hiện tự nhiên theo kiểu phân bố và độ phong phú tự nhiên.

2.1: Khu rừng này có phải là một phần của dải rừng liên tục không?

Không. Các diện tích rừng trồng của Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 nằm trên nhiều xã khác nhau trên các đồi đất không liên lục với nhau.

2.2: Toàn bộ khu rừng này có phải đang trong tình trạng gần như chưa bị tác động không?

Không. Như đề cập ở trên, vì là rừng trồng qua nhiều luân kỳ nên không còn tính chất giống như rừng tự nhiên.

2.3: Toàn bộ tổ hợp rừng có rộng hơn 10.000 ha không?

Không. Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 là đại diện cho 3,314 hộ gia đình trồng rừng với diện tích 7,194.73 ha nằm trên địa bàn của các xã Kim Bảng, Hoa Quân, Xuân Lâm, Đại Đồng, Tam Đồng, Cát Ngạn, Hạnh Lâm (thuộc huyện Thanh Chương cũ) và diện tích rừng giao khoán thuộc Công ty TNHH Lâm nghiệp Đô Lương quản lý. Đây là diện tích rừng

trồng trên diện tích đất lâm nghiệp được thực hiện qua các chương trình 327, 661, KfW và người dân tự trồng từ năm 1990 tới nay. Các mô hình trồng rừng hỗn loài, hỗn giao trước đây nay chuyển sang trồng thuần loài Keo.

2.4: Có một quần thể loài trọng yếu nào ở đó hay không?

Không. Như đã đề cập ở những phần trên, đây là rừng trồng mới phát triển trên đất trống đồi núi trọc vì vậy rừng không còn tính chất giống rừng tự nhiên và không nghi nhận quần thể loài trọng yếu nào tồn tại ở đây.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**.

HCV3: Các hệ sinh thái và sinh cảnh. Những khu rừng có chứa đựng hoặc bao gồm những hệ sinh thái hiếm có, đang bị đe dọa và nguy cấp.

3.1: Có kiểu rừng nào liệt kê dưới đây được tìm thấy tại khu rừng này không?

Không. Tương tự như đã đề cập ở những phần trên, rừng trồng thuần loài Keo, rừng trồng phát triển trên đất trống đồi núi trọc, vì vậy rừng không còn tính chất giống rừng tự nhiên và không có các hệ sinh thái quý hiếm và đặc trưng.

3.2: Kiểu rừng này có đặc trưng cho khu vực không?

Không. Như đã đề cập ở trên, rừng trồng thuần loài Keo, rừng trồng phát triển trên đất trống đồi núi trọc vì vậy rừng không còn tính chất giống rừng tự nhiên và không có các hệ sinh thái quý hiếm và đặc trưng. Hệ sinh thái bản địa trước khi trở thành đất trống đồi núi trọc là rừng hỗn loài thường xanh.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**.

HCV4: Dịch vụ hệ sinh thái xung yếu. Dịch vụ hệ sinh thái cơ bản trong các tình huống xung yếu, bao gồm khu vực bảo vệ của vùng đầu nguồn nước và kiểm soát xói mòn đất và những vùng đất dốc dễ bị tổn thương.

4.1: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và điều tiết nguồn nước uống, thủy lợi và thủy điện.

Khu vực này có được xác định là rừng phòng hộ ở Việt Nam hay không?

Không. Rừng của hộ gia đình thuộc Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 là rừng sản xuất. Tuy nhiên có một số diện tích rừng của Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 nằm phía trên Đập Cao Điền thuộc thôn Liên Đồng, Đập Khe Su thuộc thôn Liên Minh xã Tam Đồng; Đập Bang Nhượng thuộc thôn Yên Xuân, Đập Khe Lá thuộc thôn Phú Quang xã Đại Đồng; Đập Mộ Dạ thuộc xóm 4, xã Bạch Ngọc; Đập Khe Khé, Đập Bàu Nãi, Đập Động Lửa, Đập Đá Bàn, Đập Năm Khe, Đập Đình thuộc xã Bạch Hà, tỉnh Nghệ An. Các đập này có chức năng góp phần giữ nước, cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp.



Ảnh 5: Rừng trồng bên Đập Bang Nhượng



Ảnh 6: Rừng trồng bên Đập Cao Điền

Có tiểu khu nào trong phạm vi của lâm trường/công ty lâm nghiệp được quy định là rừng phòng hộ không?

Không. Toàn bộ diện tích rừng trồng của nhóm là rừng trồng thuần loài keo, thuộc đất rừng sản xuất, không có diện tích nào được quy định là rừng phòng hộ.

Thôn/làng hoặc cộng đồng sinh sống gần khu rừng có sử dụng trên 90% nhu cầu nước cho sinh hoạt, tưới tiêu từ một hoặc vài nguồn trong khu rừng hay không?

Không. Khu dân cư sử dụng nước giếng khoan và giếng khơi để sinh hoạt. Một số hộ dân nằm giáp rừng trồng sử dụng nước suối, khe nước hồ để tưới tiêu cho cây trồng.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**.

4.2: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc phòng chống sạt lở đất, lũ quét, xói mòn, gió bão, bồi lắng và phòng hộ ven biển.

Diện tích rừng có được cộng đồng quy định là rừng phòng hộ hoặc được cộng đồng bảo vệ hay không?

Không. Rừng của hộ gia đình thuộc Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 là rừng sản xuất và không có diện tích nào quy định là rừng phòng hộ hay được cộng đồng bảo vệ.

Diện tích rừng này có nằm trong khu vực hay xảy ra thiên tai (lũ, lũ quét, sạt lở đất, bão, sóng biển dâng, cát bay, ...) không?

Không. Rừng của hộ gia đình thuộc Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 nằm trên vùng bán sơn địa nên có thể bị ảnh hưởng bởi mưa bão tuy nhiên không thường xuyên.

Thiên tai xảy ra tại khu vực có diện tích rừng có nghiêm trọng không?

Không. Theo ghi nhận khu vực có diện tích rừng có thể bị ảnh hưởng bởi mưa bão tuy nhiên thời gian gần đây không xảy ra hiện tượng mưa bão ảnh hưởng nghiêm trọng.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**.

HCV 5: Các nhu cầu của cộng đồng. Các địa điểm và tài nguyên cơ bản để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương hoặc người dân dân tộc (về sinh kế, sức khỏe, dinh dưỡng, nước, v.v.), được xác định thông qua sự tham gia với các cộng đồng hoặc người dân tộc.

5.1: Có các cộng đồng sinh sống bên trong hoặc gần một khu rừng không?

Có. Diện tích rừng của các hộ gia đình xen kẽ với các thôn, làng các xã. Đời sống của cộng đồng dân cư tương đối ổn định. Thành phần dân tộc khu vực cấp chứng chỉ rừng có 3 dân tộc Kinh, Thái và Khơ Mú. Số người dân tộc Thái và Khơ Mú khoảng 11.990 người (thống kê 2024) sống tập trung tại xã Sơn Lâm. Còn lại chiếm đa số là người Kinh. Dân số sinh sống chủ yếu ở vùng trung du, dọc các đường giao thông, cuộc sống ổn định. Do quá trình phát triển kinh tế, và thực hiện theo các chủ trương, chính sách của nhà nước về di canh, di cư và phát triển kinh tế, đại bộ phận người dân được dẫn dân từ các khu vực lân cận và một số ít là đến từ các khu vực tỉnh khác

5.2: Những cộng đồng này có sử dụng rừng để đáp ứng các nhu cầu cơ bản¹ của họ không?

Không. Rừng trồng Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 không có ý nghĩa đáp ứng nhu cầu cơ bản cho người dân.

¹ "**Nhu cầu cơ bản**" là những yêu cầu đòi hỏi cho sự sống của cá nhân hay tập thể về mặt kinh tế hoặc tâm sinh lý.

Các hộ dân chỉ có thể tận thu chút ít các loại lâm sản ngoài gỗ khác như cây làm nước uống (chè vàng, chè dây, cà gai leo).

5.3: Những nhu cầu cơ bản có là nền tảng đối với những cộng đồng địa phương không?

Không. Như đề cập ở trên, các hộ dân chỉ có thể tận thu chút ít các loại lâm sản ngoài gỗ khác như cây làm nước uống (chè vàng, chè dây, cà gai leo), cây lấy lá nấu canh theo mùa. Do đó rừng không phải là nhu cầu cơ bản nền tảng cho cộng đồng địa phương.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**.

HCV 6: Các giá trị văn hóa. Các địa điểm, tài nguyên, sinh cảnh và cảnh quan có ý nghĩa quốc gia hoặc toàn cầu về văn hóa, khảo cổ học hoặc lịch sử, và/hoặc có tầm quan trọng đặc biệt về văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo/tâm linh quan trọng đối với các nền văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương hoặc người dân bản địa, được xác định thông qua sự tham gia với cộng đồng địa phương hoặc người dân tộc.

6.1: Có cộng đồng nào sinh sống bên trong hoặc gần khu rừng hay không?

Có. Diện tích rừng của các hộ gia đình xen kẽ với các thôn, làng các xã. Đời sống của cộng đồng dân cư tương đối ổn định. Thành phần dân tộc khu vực cấp chứng chỉ rừng có 3 dân tộc Kinh, Thái và Khơ Mú. Số người dân tộc Thái và Khơ Mú khoảng 11.990 người (thống kê 2024) sống tập trung tại xã Sơn Lâm. Còn lại chiếm đa số là người Kinh. Dân số sinh sống chủ yếu ở vùng trung du, dọc các đường giao thông, cuộc sống ổn định. Do quá trình phát triển kinh tế, và thực hiện theo các chủ trương, chính sách của nhà nước về di canh, di cư và phát triển kinh tế, đại bộ phận người dân được dân dân từ các khu vực lân cận và một số ít là đến từ các khu vực tỉnh khác.



Ảnh 7: Đình Võ Liệt



Ảnh 8: Đền Bạch Mã

6.2: Những cộng đồng này có sử dụng rừng cho mục đích nhận dạng văn hoá của họ hay không?

Không. Rừng trồng không được cộng đồng sử dụng cho mục đích nhận dạng văn hóa. Có khu di tích Đền Chùa Sen, Đền Bạch Y, Đền Bạch Mã, Đình Võ Liệt, Đền Bà Chúa Yến, Chùa Bà Nàng, Khu di tích lịch sử Trưng Bôn, Chùa Lương Sơn. Những di tích này nằm ngoài diện tích rừng trồng của Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2.

6.3: Khu rừng này có vai trò quan trọng trong việc nhận dạng văn hóa hay không?

Không. Đình Võ Liệt là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia và Di tích Trùng Bồn là di tích lịch sử cấp quốc gia. Tuy nhiên không nằm trong diện tích rừng của Nhóm hộ tham gia chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2. các di tích Đền Chùa Sen, Đền Bạch Y, Đền Bạch Mã, Đền Bà Chúa Yển, Chùa Bà Nàng, Chùa Lương Sơn, Di tích lịch sử Trùng Bồn kể trên được coi là các di tích của địa phương và được nhận diện văn hoá, tuy nhiên, chúng đều nằm ngoài diện tích rừng trồng của Nhóm hộ tham gia chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2.

Giá trị này **KHÔNG HIỆN HỮU**.

3.2. Tổng hợp các giá trị bảo tồn cao của Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

Kết quả đánh giá các HCVs tại Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2, có thể tổng hợp tóm tắt như sau.

Bảng 3. Tóm tắt HCVs tại Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

Giá trị	Kết quả đánh giá
<i>HCV1: Đa dạng loài</i>	<i>KHÔNG HIỆN HỮU</i>
1.1: Các khu rừng đặc dụng	Không hiện hữu
1.2: Các loài bị đe dọa và nguy cấp	Không hiện hữu
1.3: Các loài đặc hữu	Không hiện hữu
1.4: Công dụng quan trọng theo thời gian	Không hiện hữu
<i>HCV2: Hệ sinh thái cảnh quan và sinh thái khảm</i>	<i>KHÔNG HIỆN HỮU</i>
2.1: Dải rừng liên tục	Không hiện hữu
2.2: Điều kiện rừng chưa bị tác động	Không hiện hữu
2.3: Diện tích rộng hơn 10.000 ha	Không hiện hữu
2.4: Quần thể loài trọng yếu	Không hiện hữu
<i>HCV3: Các hệ sinh thái và sinh cảnh</i>	<i>KHÔNG HIỆN HỮU</i>
3.1: Hệ sinh thái hiếm	Không hiện hữu
3.2: Kiểu rừng đặc trưng	Không hiện hữu
<i>HCV4: Dịch vụ hệ sinh thái xung yếu</i>	<i>KHÔNG HIỆN HỮU</i>
4.1: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và điều tiết nguồn nước uống, thủy lợi và thủy điện	Không hiện hữu
4.2: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc phòng chống sạt lở đất, lũ quét, xói mòn, gió bão, bồi lắng và phòng hộ ven biển	Không hiện hữu
<i>HCV5: Các nhu cầu của cộng đồng</i>	<i>KHÔNG HIỆN HỮU</i>
5.1: Có các cộng đồng sinh sống bên trong hoặc gần một khu rừng không?	Có hiện hữu
5.2: Những cộng đồng này có sử dụng rừng để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của họ không?	Không hiện hữu
5.3: Những nhu cầu cơ bản có là nền tảng đối với những cộng đồng địa phương không?	Không hiện hữu
<i>HCV6: Các giá trị văn hóa</i>	<i>KHÔNG HIỆN HỮU</i>
Giá trị	Kết quả đánh giá

6.1: Có cộng đồng nào sinh sống bên trong hoặc gần khu rừng hay không?	Có hiện hữu
6.2: Những cộng đồng này có sử dụng rừng cho mục đích nhận dạng văn hoá của họ hay không?	Không hiện hữu
6.3: Khu rừng này có vai trò quan trọng trong việc nhận dạng văn hóa hay không?	Không hiện hữu

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả đánh giá HCV năm 2025

4. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 là đại diện cho 3,314 hộ gia đình trồng rừng với diện tích 7,194.73 ha nằm trên địa bàn của các xã Xuân Lâm, Kim Bảng, Hoa Quân, Đại Đồng, Tam Đồng, Cát Ngạn, Hạnh Lâm và diện tích giao khoán của Công ty TNHH Lâm nghiệp Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Đây là diện tích rừng trồng trên diện tích đất lâm nghiệp được thực hiện qua các chương trình 327, 661, KfW và người dân tự trồng từ năm 1990 tới nay. Các mô hình trồng rừng hỗn loài, hỗn giao trước đây nay chuyển sang trồng thuần loài Keo.

Toàn bộ diện tích rừng mà Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 liên kết với hộ dân là rừng trồng Keo thuần loài, một số diện tích trồng rừng hỗ trợ bởi Dự án 327, 661, KfW trước đây. Do vậy, rừng trồng không còn đặc điểm nào giống rừng tự nhiên nữa. Diện tích rừng trồng của các hộ tham gia Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 nằm khá xa Vườn quốc gia Pù Mát, phần rừng trồng gần nhất của Nhóm hộ chứng chỉ rừng Thanh Chương 2 thuộc xã Hạnh Lâm nằm cách Vườn quốc gia Pù Mát khoảng 33km, xã Cát Ngạn cách khoảng 40 km theo đường chim bay.

- Khảo sát nhanh đa dạng sinh học, ghi nhận được 103 loài động, thực vật (xem phụ lục 5). Đây là các loài thông thường xuất hiện ở rừng trồng và những khu rừng tự nhiên liền kề. Rừng trồng không còn đặc điểm nào giống rừng tự nhiên nữa. Có ghi 02 loài ghi nhận được xếp loài quý hiếm trong Sách đỏ Việt Nam hay Nghị định số 06/2019, Nghị Định số 84/2021 (sửa đổi bổ sung Nghị định 06/2019) đó là các loài: Khỉ vàng (*Macaca mulatta*), Rắn hổ mang chúa (*Ophiophagus hannah*). Tuy nhiên, các loài này có phân bố ở rừng tự nhiên thuộc vùng đệm Vườn quốc gia Pù Mát, thỉnh thoảng chúng mới di chuyển đến và xuất hiện gần khu rừng trồng thuộc nhóm hộ Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2. Theo ghi nhận của người dân vào ngày 07/10/2023 có cá thể Voi châu Á (*Elephas maximus*) nằm trong Danh lục đỏ IUCN, cá thể voi đực này bị chết tại khu rừng tự nhiên giáp ranh giữa xã Hạnh Lâm và Thanh Đức, tuy nhiên cá thể voi này sinh sống ở vùng đệm Vườn quốc gia Pù Mát, nó đi lạc vào khu rừng tự nhiên giáp ranh giữa xã Hạnh Lâm và Thanh Đức (nay là xã Hạnh Lâm) và bị chết tại đây, nguyên nhân ban đầu được nhận định là do con voi quá già yếu, theo ghi nhận tại hiện trường không có dấu hiệu bị giết hại do hai ngà vẫn còn nguyên vẹn: HCV1 không hiện hữu.
- Các diện tích rừng trồng của Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 nằm trên các đồi đất thuộc các xã Xuân Lâm, Kim Bảng, Hoa Quân, Đại Đồng, Tam Đồng, Cát Ngạn, Hạnh Lâm và diện tích giao khoán của Công ty TNHH Lâm nghiệp Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Diện tích rừng này không có ý nghĩa kết nối. Vì vậy rừng trồng không có đóng góp mang ý nghĩa cảnh quan: HCV2 không hiện hữu.
- Rừng trồng thuần loài Keo, rừng trồng mới phát triển trên đất trống đồi núi trọc từ trước 1994, vì vậy rừng không còn tính chất giống rừng tự nhiên và không có các hệ sinh thái quý hiếm và đặc trưng. Hệ sinh thái bản địa trước khi trở thành đất trống đồi núi trọc là rừng hỗn loài thường xanh: HCV3 không hiện hữu.
- Phần lớn diện tích rừng trồng nằm trên địa bàn núi đất, nên ngoài yếu tố là rừng sản xuất ra rừng không có chức năng phòng hộ hay hệ sinh thái xung yếu: HCV4 không hiện hữu.
- Không có cộng đồng người dân sống gần với diện tích rừng trồng, Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 sống rải rác trong các thôn, người dân sinh sống cách xa khu vực rừng. Thành phần dân tộc khu vực cấp chứng chỉ rừng có 3 dân tộc Kinh, Thái và Khơ Mú. Số người dân tộc Thái và Khơ Mú khoảng 11.990 người (thống kê 2024) sống tập trung tại xã Sơn Lâm. Do quá trình phát triển kinh tế, và thực hiện theo các chủ trương, chính sách của nhà nước về di canh, di cư và phát triển kinh tế, đại bộ phận người dân được dân dân từ các khu vực lân cận và một số ít là đến từ các khu vực tỉnh khác. Do đó, những diện tích rừng trồng này không có ý nghĩa cung cấp nhu cầu cơ bản cho cộng đồng địa phương:

HCV5 không hiện hữu.

- Rừng trồng không được cộng đồng sử dụng cho mục đích nhận dạng văn hóa. Có khu di tích Đình Võ Liệt là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia và di tích Trùng Bồn là di tích lịch sử cấp quốc gia. Tuy nhiên không nằm trong diện tích rừng của Nhóm hộ tham gia chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2, các di tích Đền Chùa Sen, Đền Bạch Y, Đền Bạch Mã, Đền Bà Chúa Yến, Di tích lịch sử Trùng Bồn, Chùa Bà Nàng, Chùa Lương Sơn kể trên được coi là các di tích của địa phương và được nhận diện văn hoá, tuy nhiên, chúng đều nằm ngoài diện tích rừng trồng của Nhóm hộ tham gia chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2: HCV6 không hiện hữu.

Do vậy, có thể kết luận là rừng của Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 không có các giá trị bảo tồn cao như định nghĩa trong tiêu chuẩn FSC và trong bộ công cụ về rừng có giá trị bảo tồn cao của ProForest và WWF Việt Nam hướng dẫn xác định.

4.2. Khuyến nghị

Mặc dù rừng trồng không có giá trị bảo tồn cao, nhưng để quản lý rừng trồng một cách bền vững, Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 cần quan tâm đến một số khuyến nghị nhằm đảm bảo an toàn về môi trường và xã hội:

- Cần cập nhật bản đồ thể hiện các khu vực vùng đệm dọc các suối nhỏ để tái sinh tự nhiên và trồng thêm cây bản địa (nếu có thể).
- Không được đốt toàn bộ thực bì sau khai thác. Có thể thay thế bằng phương pháp đốt cục bộ (gom theo hàng) và đốt có kiểm soát để không làm hại đến các loài động vật và thảm thực vật.
- Không sử dụng thuốc diệt cỏ và chỉ sử dụng các loại thuốc hoá học trong danh mục cho phép trong quá trình dọn thực bì, chăm sóc cây và bảo vệ sâu bệnh hại.
- Thực hiện giám sát bảo vệ hành lang, vùng đệm ven suối, hồ, giữ lại các cây tái sinh và thảm thực bì nhằm bảo vệ nguồn nước và bảo vệ hành lang cho các loài động vật. Việc này giúp thúc đẩy tái sinh tự nhiên để các loài của hệ sinh thái bản địa (rừng hỗn loài thường xanh trước đây) có thể khôi phục ở một số diện tích cần bảo vệ.
- Làm việc với Ban quản lý rừng phòng hộ Thanh Chương để xin đưa diện tích 1.047,51 ha vào diện tích bảo tồn nằm ngoài diện tích thực hiện chứng chỉ để phù hợp với yêu cầu của Tiêu chuẩn FSC-FM. Khu vực này là rừng tự nhiên tái sinh nghèo và nghèo kiệt được phát triển trên núi đất thuộc các xã Hạnh Lâm, khu rừng tự nhiên thuộc địa giới hành chính xã Hạnh Lâm.
- Khi nào Nhóm hộ kết nạp thêm rừng trồng của các hộ khác và rừng trồng ở các xã khác vào diện tích làm chứng chỉ thì cần tiến hành xác định và đánh giá giá trị bảo tồn cao bổ sung cho những diện tích mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. BirdLife International and FIPI (2001). Sourcebook of existing and proposed protected areas in Vietnam. BirdLife International Vietnam Program and FIPI. Hanoi, Vietnam.
2. Bộ NNPTNT, 2018. Thông tư số 28/2018/TT – BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về quản lý rừng bền vững.
3. Bộ NNPTNT, 2023. Công văn số 6124/BNN-LN ngày 05/09/2023 về việc hoàn thành xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và đẩy nhanh tiến độ, tăng diện tích rừng trồng sản xuất được cấp chứng chỉ rừng.
4. Chính phủ Việt Nam, 2018. Quyết định số 1288/QĐ-TTg, ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng.
5. Chính phủ Việt Nam, 2019. Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, của chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động thực vật hoang dã nguy cấp.
6. Chính phủ Việt Nam, 2021. Nghị định số 84/2021-NĐ/CP, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, của chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động thực vật hoang dã nguy cấp.
7. FSC, 2018. Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng FSC Quốc gia của Việt Nam. FSC-STD-VN-01- 2018. Ngày phê duyệt 17.10.2018.
8. Lê Thiện Đức, Lê Đình Duy 2022. Đánh giá đa dạng sinh học (ĐDSH) và xác định giá trị bảo tồn cao (HCVs) cho nhóm hộ chứng chỉ rừng BMFV Nghệ An thuộc dự án Quản lý rừng bền vững USAID.
9. Lê Hữu Oánh, Lê Thiện Đức 2023. Đánh giá đa dạng sinh học (ĐDSH) và xác định giá trị bảo tồn cao (HCVs) cho nhóm hộ chứng chỉ rừng Công ty TNHH Việt Trang, huyện Thạch Hà tỉnh Hà Tĩnh.
10. Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2, 2025. Sổ tay quản lý nhóm hộ. Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2.
11. Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2, 2025. Kế hoạch QLRBV của Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2.
12. WWF – Chương trình Việt Nam (2008) Bộ công cụ xác định Rừng có giá trị bảo tồn cao ở Việt Nam. Hà Nội, Việt Nam.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Mô tả công việc về Đánh giá đa dạng sinh học (ĐDSH) và xác định giá trị bảo tồn cao (HCVs) cho Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

1. Bối cảnh:

Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 được hình thành theo Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của UBND Thanh Chương về việc mở rộng diện tích, bổ sung đơn vị cấp chứng chỉ FSC. Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 được thành lập theo quyết định số: 04/QĐ-LNGTC/2024 ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương về việc thành lập ban quản lý đại diện cho các nhóm chứng chỉ rừng thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng tại 11 xã Thanh An, Võ Liệt, Thanh Thịnh, Thanh Ngọc, Thanh Liên, Thanh Nho, Thanh Mỹ, Thanh Đức, Hạnh Lâm, Thanh Khê và Thanh Chi (các xã cũ thuộc huyện Thanh Chương cũ). Và quyết định kiện toàn Ban quản lý nhóm hộ Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng FSC Thanh Chương 2 số 01/QĐ-LNGTC ngày 11/08/2025.

Ban quản lý nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 là tổ chức tự nguyện, hoạt động theo quy chế được ban hành về quản lý rừng bền vững được các cấp phê duyệt, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và chịu sự quản lý nhà nước, UBND các xã, cơ quan chuyên môn và các phòng ban ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của nhóm. Nhóm là một tổ chức được liên kết từ các ban về quản lý rừng trồng bền vững với các người dân tại các xã Kim Bảng, Xuân Lâm, Hoa Quân, Đại Đồng, Tam Đồng, Cát Ngạn, Hạnh Lâm và Cty TNHH Lâm nghiệp Đô Lương.

Công ty TNHH Tư vấn Cleverforestry là đơn vị được lựa chọn tư vấn, hỗ trợ và hướng dẫn kỹ thuật cho nhóm hộ hoàn thiện và nâng cấp hệ thống quản lý để đạt được chứng chỉ QLRBV FSC.

Công ty Cleverforestry sẽ bố trí một chuyên gia tư vấn có kinh nghiệm về đa dạng sinh học và xác định giá trị bảo tồn cao (HCVs) để tiến hành đánh giá thực tế, tham vấn với các bên liên quan và tiến hành xây dựng kế hoạch quản lý các giá trị bảo tồn cao (nếu có). Chuyên gia sẽ tiến hành đánh giá cùng với cán bộ của Nhóm quản lý rừng FSC của Công ty Việt Trang.

2. Mục đích:

Đánh giá đa dạng sinh học, xác định các giá trị bảo tồn cao và đề xuất kế hoạch quản lý các giá trị bảo tồn cao (nếu có) cho vùng rừng trồng của Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 làm chứng chỉ FSC.

3. Nhiệm vụ của tư vấn:

- Tiến hành các cuộc phỏng vấn, tham vấn cộng đồng địa phương và các bên liên quan trong khu vực để xác định các giá trị bảo tồn cao.
- Thu thập và phân tích các số liệu về đa dạng sinh học (thành phần loại động thực vật quý hiếm).
- Tập hợp, phân tích, xử lý các số liệu từ khảo sát thực địa.
- Sử dụng phương pháp chuyên gia để phân tích đánh giá các giá trị cao (HCVs) theo nguyên tắc 9 của Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng FSC của Việt Nam FSC-STD-VN-10 2017 VN, Phụ lục E và Bộ công cụ xác định Rừng có giá trị bảo tồn cao ở Việt Nam (WWF, 2008):
 - **HCV 1:** Đa dạng loài. Rừng chứa đựng các giá trị đa dạng sinh học như các loài các loài đặc hữu, quý hiếm, bị đe dọa hoặc nguy cấp có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu.

- **HCV 2:** Hệ sinh thái cấp cảnh quan và sinh thái khảm. Cảnh quan rừng còn nguyên vẹn và các hệ sinh thái cấp sinh cảnh lớn, hệ sinh thái khảm có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu có các quần thể sống của hầu hết các loài xuất hiện tự nhiên theo kiểu phân bố và độ phong phú tự nhiên.
 - **HCV 3:** Các hệ sinh thái và sinh cảnh. Các hệ sinh thái, sinh cảnh hoặc nơi ẩn náu của các loài hiếm, bị đe dọa, hoặc nguy cấp.
 - **HCV 4:** Dịch vụ hệ sinh thái xung yếu. Dịch vụ hệ sinh thái cơ bản trong các tình huống xung yếu, bao gồm khu vực bảo vệ của vùng đầu nguồn nước và kiểm soát xói mòn đất và những vùng đất dốc dễ bị tổn thương.
 - **HCV 5:** Các nhu cầu của cộng đồng. Các địa điểm và tài nguyên cơ bản để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương hoặc người dân tộc thiểu số (về sinh kế, sức khỏe, dinh dưỡng, nước, v.v.), được xác định thông qua sự tham gia với các cộng đồng hoặc người dân tộc.
 - **HCV 6:** Các giá trị văn hóa. Các địa điểm, tài nguyên, sinh cảnh và cảnh quan có ý nghĩa quốc gia hoặc toàn cầu về văn hóa, khảo cổ học hoặc lịch sử, và/hoặc có tầm quan trọng đặc biệt về văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo/tâm linh quan trọng đối với các nền văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương hoặc người dân bản địa, được xác định thông qua sự tham gia với cộng đồng địa phương hoặc người dân tộc.
- Xác định vị trí, diện tích, ranh giới trên thực địa và xây dựng bản đồ các giá trị bảo tồn cao (nếu có).
 - Đưa ra kế hoạch quản lý của mình nhằm đảm bảo sự bảo vệ hiệu quả các giá trị đó (nếu có).

4. Phương pháp thực hiện:

4.1. Phương pháp tham khảo tài liệu thứ cấp:

- Các báo cáo đánh giá đa dạng sinh học ở địa phương (nếu có).

4.2. Phương pháp điều tra thực địa

- Phòng vấn cán bộ Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2, hộ dân tham gia nhóm và người dân sống xung quanh khu vực và các bên liên quan.
- Khảo sát đánh giá trên lâm phận của Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2 xem các giá trị bảo tồn cao có ý nghĩa về mặt sinh thái học (HCV 1, 2, 3, 4).
- Tham vấn cộng đồng dân cư các giá trị bảo tồn cao về mặt xã hội học (HCV 5, 6).

5. Yêu cầu đối với tư vấn đánh giá:

- Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Lâm nghiệp/quản lý tài nguyên/đa dạng sinh học
- Có ít nhất 10 năm kinh nghiệm về khảo sát đa dạng sinh học, HCVFs.
- Hiểu biết về quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng FSC đặc biệt là biết về khái niệm về HCVs trong tiêu chuẩn FSC.

6. Sản phẩm bàn giao:

- Viết báo cáo tổng hợp đánh giá đa dạng sinh học và xác định giá trị bảo tồn cao trong khu vực rừng trồng của chủ rừng và đưa ra các khuyến nghị để bảo vệ các giá trị bảo tồn cao đó (nếu có)
- Trong báo cáo kèm theo các bản đồ chỉ ra khu vực được xác định là khu vực có giá trị bảo tồn cao (nếu có).

- Trong báo cáo bao gồm các phụ lục lịch trình làm việc, bảng hỏi đã sử dụng, danh sách người tham gia, các loài động-thực vật nghi nhận được.

Phụ lục 2. Bảng hỏi đánh giá ĐDSH và giá trị bảo tồn cao tại Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

(Dựa theo Bộ công cụ xác định Rừng có giá trị bảo tồn cao ở Việt Nam, WWF, 2008)

HCV1: Đa dạng loài. Rừng chứa đựng các giá trị đa dạng sinh học như các loài các loài đặc hữu, quý hiếm, bị đe dọa hoặc nguy cấp có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu.

1.1: Các khu rừng đặc dụng:

Khu rừng này có phải là rừng đặc dụng đã công nhận hoặc được đề xuất hay không?

Khu rừng này có liên kết với rừng đặc dụng không?

Khu rừng này có tính chất, đặc điểm tương tự như khu rừng đặc dụng liên kết không?

Kết luận: Giá trị này **có hiện hữu** hay **không**?

1.2: Các loài bị đe dọa và nguy cấp:

Có nhiều loài được liệt kê trong danh sách các loài bị đe dọa và nguy cấp của Việt Nam được tìm thấy trong khu rừng này không?

Tại thời điểm này, khu rừng có được đánh giá là có tầm quan trọng về đa dạng sinh học không?

Rừng này có nằm trong khu vực trước đây được ghi nhận là có tầm quan trọng về đa dạng sinh học không?

Kết luận: Giá trị này **có hiện hữu** hay **không**?

1.3: Các loài đặc hữu:

Có một loài đặc hữu hoặc cận đặc hữu bị đe dọa nào được ghi nhận ở khu rừng này không?

Khu rừng này có nằm trong vùng trước đây được nhận biết là có tính đặc hữu cao không?

Kết luận: Giá trị này **có hiện hữu** hay **không**?

1.4: Công dụng quan trọng theo thời gian:

Có các nguồn thức ăn/ khu đất ngập nước/các quần xã di cư hiện hữu trong khu rừng này vào một số thời điểm hay thời gian nào không?

Có phải những tài nguyên này rất quan trọng đối với sự tồn tại của quần thể hay quần xã sinh học không?

Khu rừng này có phải nằm trong khu được đề xuất vào các phân hạng khác (đất ngập nước, bảo tồn biển, ...) trong hệ thống bảo tồn hay không?

Kết luận: Giá trị này **có hiện hữu** hay **không**?

HVC2: Hệ sinh thái cấp cảnh quan và sinh thái khảm. Cảnh quan rừng còn nguyên vẹn và các hệ sinh thái cấp sinh cảnh lớn, hệ sinh thái khảm có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu có các quần thể sống của hầu hết các loài xuất hiện tự nhiên theo kiểu phân bố và độ phong phú tự nhiên.

2.1: Khu rừng này có phải là một phần của dải rừng liên tục không?

2.2: Toàn bộ khu rừng này có phải đang trong tình trạng gần như chưa bị tác động không?

2.3: Toàn bộ tổ hợp rừng có rộng hơn 10.000 ha không?

2.4: Có một quần thể loài trọng yếu nào ở đó hay không?

Kết luận: Giá trị này có hiện hữu hay không?

HCV3: Các hệ sinh thái và sinh cảnh. Các hệ sinh thái, sinh cảnh hoặc nơi ẩn náu của các loài hiếm, bị đe dọa, hoặc nguy cấp.

3.1: Có kiểu rừng nào liệt kê dưới đây được tìm thấy tại khu rừng này không?

3.2: Kiểu rừng này có đặc trưng cho khu vực không?

Kết luận: Giá trị này có hiện hữu hay không?

HCV4: Dịch vụ hệ sinh thái xung yếu. Dịch vụ hệ sinh thái cơ bản trong các tình huống xung yếu, bao gồm khu vực bảo vệ của vùng đầu nguồn nước và kiểm soát xói mòn đất và những vùng đất dốc dễ bị tổn thương.

4.1: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và điều tiết nguồn nước uống, thủy lợi và thủy điện.

Khu vực này có được xác định là rừng phòng hộ ở Việt Nam hay không?

Có tiểu khu nào trong phạm vi của lâm trường/công ty lâm nghiệp được quy định là rừng phòng hộ không?

Thôn/làng hoặc cộng đồng sinh sống gần khu rừng có sử dụng trên 90% nhu cầu nước cho sinh hoạt, tưới tiêu từ một hoặc vài nguồn trong khu rừng hay không?

Kết luận: Giá trị này có hiện hữu hay không?

4.2: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc phòng chống sạt lở đất, lũ quét, xói mòn, gió bão, bồi lắng và phòng hộ ven biển.

Diện tích rừng có được cộng đồng quy định là rừng phòng hộ hoặc được cộng đồng bảo vệ hay không?

Diện tích rừng này có nằm trong khu vực hay xảy ra thiên tai (lũ, lũ quét, sạt lở đất, bão, sóng biển dâng, cát bay, ...) không?

Thiên tai xảy ra tại khu vực có diện tích rừng có nghiêm trọng không?

Kết luận: Giá trị này có hiện hữu hay không?

HCV 5: Các nhu cầu của cộng đồng. Các địa điểm và tài nguyên cơ bản để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương hoặc người dân dân tộc (về sinh kế, sức khỏe, dinh dưỡng, nước, v.v.), được xác định thông qua sự tham gia với các cộng đồng hoặc người dân tộc.

5.1: Có các cộng đồng sinh sống bên trong hoặc gần một khu rừng không?

5.2: Những cộng đồng này có sử dụng rừng để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của họ không?

5.3: Những nhu cầu cơ bản có là nền tảng đối với những cộng đồng địa phương không?

Kết luận: Giá trị này có hiện hữu hay không?

HCV 6: Các giá trị văn hóa. Các địa điểm, tài nguyên, sinh cảnh và cảnh quan có ý nghĩa quốc gia hoặc toàn cầu về văn hóa, khảo cổ học hoặc lịch sử, và/hoặc có tầm quan trọng

đặc biệt về văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo/tâm linh quan trọng đối với các nền văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương hoặc người dân bản địa, được xác định thông qua sự tham gia với cộng đồng địa phương hoặc người dân tộc.

6.1 : Có cộng đồng nào sinh sống bên trong hoặc gần khu rừng hay không?

6.2 : Những cộng đồng này có sử dụng rừng cho mục đích nhận dạng văn hoá của họ hay không?

6.3 : Khu rừng này có vai trò quan trọng trong việc nhận dạng văn hóa hay không?

Kết luận: Giá trị này có hiện hữu hay không?

Phụ lục 3. Danh sách các bên liên quan tham gia tham vấn và phỏng vấn

Danh sách tham gia cuộc họp tham vấn các bên liên quan năm 2024

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chức vụ	Nam/nữ
1	Lưu Công Hiệp	UBND xã Thanh Liên	PCT UBND xã	Nam
2	Nguyễn Thị Tâm	UBND xã Thanh Liên	Cán bộ Nông lâm	Nữ
3	Nguyễn Nha Trang	Hạt kiểm lâm huyện	Kiểm lâm địa bàn	Nam
4	Nguyễn Văn Tuế	UBND xã Thanh Liên	Cán bộ địa chính	Nam
5	Trịnh Văn Thương	UBND xã Thanh Ngọc	PCT UBND xã	Nam
6	Lê Thị Nga	UBND xã Thanh Ngọc	Cán bộ địa chính	Nữ
7	Nguyễn Văn Thông	Hạt kiểm lâm huyện	Kiểm lâm địa bàn	Nam
8	Nguyễn Văn Linh	UBND xã Thanh Thịnh	PCT UBND xã	Nam
9	Lê Minh Hiền	UBND xã Thanh Thịnh	PCT UBND xã	Nam
10	Nguyễn Bá Sơn	UBND xã Thanh Đức	PCT UBND xã	Nam
11	Võ Văn Anh	UBND xã Hạnh Lâm	PCT UBND xã	Nam
12	Hoàng Phạm Thọ	UBND xã Thanh Mỹ	PCT UBND xã	Nam
13	Nguyễn Thị Xuân	UBND xã Thanh Mỹ	Cán bộ Lâm nghiệp	Nam
14	Nguyễn Viết Chiến	UBND xã Thanh An	PCT UBND xã	Nam
15	Nguyễn Công Đức	UBND xã Thanh An	Cán bộ Lâm nghiệp	Nam
16	Trần Đình Truyền	UBND xã Thanh Nho	CT UBND xã	Nam
17	Trần Thanh Nam	UBND xã Thanh Nho	Cán bộ Lâm nghiệp	Nam
18	Trần Văn Kỳ	UBND xã Hạnh Lâm	Cán bộ Địa chính	Nam
19	Bùi Văn Hồng	UBND xã Hạnh Lâm	Cán bộ Lâm nghiệp	Nam
20	Lê Hữu Oánh	Clever forestry	Chuyên gia HCV	Nam
21	Nguyễn Thế Cường	Clever forestry	Chuyên gia HCV	Nam
22	Lê Thiện Đức	Clever forestry	Giám đốc	Nam
23	Lê Đình Duy	Clever forestry	Chuyên gia HCV	Nam
24	Lê Phùng Diệu	Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương	Trưởng nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2	Nam
25	Nguyễn Thọ Văn	Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương	Phụ trách kỹ thuật	Nam
26	Nguyễn Xuân Hoan	Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương	Trưởng ban kiểm tra nhóm	Nam
27	Nguyễn Trần Tình	Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương		Nam

Danh sách những người dân nhóm hộ chứng chỉ rừng tham gia phỏng vấn năm 2024

TT	Họ tên	Thôn	Xã cũ	Xã mới	Giới tính	Dân tộc
1	Lê Công Thắng	Liên Minh	Thanh Liên	Tam Đồng	Nam	Kinh
2	Lê Thị Nhàn	Liên Đồng	Thanh Liên	Tam Đồng	Nữ	Kinh
3	Nguyễn Xuân Đạo	Liên Minh	Thanh Liên	Tam Đồng	Nam	Kinh
4	Nguyễn Đình Đường	Liên Đức	Thanh Liên	Tam Đồng	Nam	Kinh
5	Nguyễn Tú Sơn	Liên Minh	Thanh Liên	Tam Đồng	Nam	Kinh

6	Nguyễn Văn Cường	Liên Minh	Thanh Liên	Tam Đồng	Nam	Kinh
7	Lê Thanh Hòa	Yên Xuân	Thanh Ngọc	Đại Đồng	Nam	Kinh
8	Nguyễn Hữu Minh	Yên Xuân	Thanh Ngọc	Đại Đồng	Nam	Kinh
9	Võ Văn Sơn	Yên Xuân	Thanh Ngọc	Đại Đồng	Nam	Kinh
10	Nguyễn Công Quyết	Phú Quang	Thanh Ngọc	Đại Đồng	Nam	Kinh
11	Nguyễn Văn Nhật	Phú Quang	Thanh Ngọc	Đại Đồng	Nam	Kinh
12	Lê Ngọc Phú	Phú Quang	Thanh Ngọc	Đại Đồng	Nam	Kinh
13	Nguyễn Văn Quang	Sơn Thịnh	Thanh Thịnh	Hoa Quân	Nam	Kinh
14	Trần Văn Quang	Sơn Thịnh	Thanh Thịnh	Hoa Quân	Nam	Kinh
15	Lê Nguyên Sơn	Phong Thịnh	Thanh Thịnh	Hoa Quân	Nam	Kinh
16	Lê Văn Nghĩa	Trung Thịnh	Thanh Thịnh	Hoa Quân	Nam	Kinh
17	Phạm Xuân Hùng	Hòa Thịnh	Thanh Thịnh	Hoa Quân	Nam	Kinh
18	Nguyễn Thị Liệu	Trung Thịnh	Thanh Thịnh	Hoa Quân	Nữ	Kinh
19	Nguyễn Thị Mai	Đức Thịnh	Thanh Thịnh	Hoa Quân	Nữ	Kinh
20	Đặng Đức Huê	Đức Thịnh	Thanh Thịnh	Hoa Quân	Nam	Kinh
21	Lê Văn Sáu	Đức Thành	Thanh Thịnh	Hoa Quân	Nam	Kinh
22	Nguyễn Hữu Vinh	Xóm 3	Hạnh Lâm	Hạnh Lâm	Nam	Kinh
23	Trần Văn Minh	Xóm 2	Hạnh Lâm	Hạnh Lâm	Nam	Kinh
24	Nguyễn Quang Hào	Xóm 3	Hạnh Lâm	Hạnh Lâm	Nam	Kinh
25	Lê Văn Sửu	Xóm 2	Hạnh Lâm	Hạnh Lâm	Nam	Kinh
26	Phạm Văn Chiến	Mỹ Hưng	Thanh Mỹ	Tam Đồng	Nam	Kinh
27	Nguyễn Hữu Thanh	Mỹ Sơn	Thanh Mỹ	Tam Đồng	Nam	Kinh
28	Nguyễn Văn Lam	Mỹ Sơn	Thanh Mỹ	Tam Đồng	Nam	Kinh
29	Trần Đình Trung	Mỹ Sơn	Thanh Mỹ	Tam Đồng	Nam	Kinh
30	Trịnh Bá Dũng	An Hòa	Thanh An	Hoa Quân	Nam	Kinh
31	Nguyễn Thị Hà	An Hòa	Thanh An	Hoa Quân	Nữ	Kinh
32	Nguyễn Đình Bảy	An Hòa	Thanh An	Hoa Quân	Nam	Kinh
33	Nguyễn Văn Dũng	An Ngọc	Thanh An	Hoa Quân	Nam	Kinh
34	Nguyễn Danh Hương	An Ngọc	Thanh An	Hoa Quân	Nam	Kinh
35	Trần Văn Phát	An Ngọc	Thanh An	Hoa Quân	Nam	Kinh
36	Nguyễn Thị Hà	Nho Tân	Thanh Nho	Cát Ngạn	Nữ	Kinh
37	Trần Văn Đức	Nho Xuân	Thanh Nho	Cát Ngạn	Nam	Kinh
38	Lê Thị Tư	Nho Xuân	Thanh Nho	Cát Ngạn	Nam	Kinh
39	Hồ Sỹ Cương	Nho Liên	Thanh Nho	Cát Ngạn	Nam	Kinh
40	Phạm Văn Lợi	Nho Liên	Thanh Nho	Cát Ngạn	Nam	Kinh
41	Phạm Văn Tường	Nho Liên	Thanh Nho	Cát Ngạn	Nam	Kinh
42	Phạm Văn Mai	Hà Lương	Võ Liệt	Kim Bảng	Nam	Kinh
43	Dương Thanh Sơn	Hà Lương	Võ Liệt	Kim Bảng	Nam	Kinh
44	Phạm Duy Hùng	Hòa Sơn	Võ Liệt	Kim Bảng	Nam	Kinh
45	Hoàng Văn Chiến	Hòa Sơn	Võ Liệt	Kim Bảng	Nam	Kinh
46	Hoàng Văn Hoi	Hòa Sơn	Võ Liệt	Kim Bảng	Nam	Kinh
47	Phan Duy Tịnh	Hòa Sơn	Võ Liệt	Kim Bảng	Nam	Kinh

DANH SÁCH PHÒNG VÁN NĂM 2025

TT	Họ tên	Chức vụ	Thôn	Xã	Giới tính	Dân tộc
1	Hoàng Đức Trung	PCT UBND		Xuân Lâm	Nam	Kinh
2	Đặng Thị Chuyên	CB NN		Xuân Lâm	Nam	Kinh
3	Phan Hồng Tiến	Giám đốc		Cty LN Đô Lương	Nam	Kinh
4	Lê Đình Thanh	Thôn trưởng	Lam Thắng	Xuân Lâm	Nam	Kinh
5	Nguyễn Cảnh Tư	Thôn trưởng	Lam Hồng	Xuân Lâm	Nam	Kinh
6	Thái Doãn Nguyên	Trạm trưởng	Giang Sơn Tây	Cty LN Đô Lương	Nam	Kinh
7	Nguyễn Đình Lợi	Trạm trưởng	Mỹ Sơn	Cty LN Đô Lương	Nam	Kinh
8	Phạm Văn Khải	Trạm trưởng	Quyết Thắng	Cty LN Đô Lương	Nam	Kinh
9	Nguyễn Văn Quý	Hộ dân	Lam Thắng	Xuân Lâm	Nam	Kinh
10	Nguyễn Cảnh Hương	Hộ dân	Lam Thắng	Xuân Lâm	Nam	Kinh
11	Nguyễn Việt Tùng	Hộ dân	Lam Thắng	Xuân Lâm	Nam	Kinh
12	Lê Đình Bằng	Hộ dân	Lam Thắng	Xuân Lâm	Nam	Kinh
13	Nguyễn Trọng Dân	Hộ dân	Lam Thắng	Xuân Lâm	Nam	Kinh
14	Lê Đình Định	Hộ dân	Lam Hồng	Xuân Lâm	Nam	Kinh
15	Hồ Đình Ai	Hộ dân	Lam Hồng	Xuân Lâm	Nam	Kinh
16	Nguyễn Đăng Bình	Hộ dân	Lam Hồng	Xuân Lâm	Nam	Kinh
17	Nguyễn Đăng Việt	Hộ dân	Lam Hồng	Xuân Lâm	Nam	Kinh
18	Phạm Duy Tình	Hộ dân	Lam Hồng	Xuân Lâm	Nam	Kinh
19	Đào Văn Đức	Hộ dân	Mỹ Sơn	Cty LN Đô Lương	Nam	Kinh
20	Đặng Công Thương	Hộ dân	Mỹ Sơn	Cty LN Đô Lương	Nam	Kinh
21	Nguyễn Công Năm	Hộ dân	Mỹ Sơn	Cty LN Đô Lương	Nam	Kinh
22	Nguyễn Công Sơn	Hộ dân	Mỹ Sơn	Cty LN Đô Lương	Nam	Kinh
23	Nguyễn Quang Cảnh	Hộ dân	Mỹ Sơn	Cty LN Đô Lương	Nam	Kinh
24	Nguyễn Thị Giang	Hộ dân	Mỹ Sơn	Cty LN Đô Lương	Nữ	Kinh
25	Bùi Sỹ Thuận	Hộ dân	Giang Sơn Tây	Xuân Lâm	Nam	Kinh
26	Hoàng Bá Nghiêm	Hộ dân	Giang Sơn Tây	Xuân Lâm	Nam	Kinh
27	Nguyễn Bá Nhung	Hộ dân	Giang Sơn Tây	Xuân Lâm	Nam	Kinh
28	Nguyễn Khắc Hồng	Hộ dân	Giang Sơn Tây	Xuân Lâm	Nam	Kinh

Phụ lục 4. Một số loài nguy cấp, thông thường và có thể hiếm gặp tại rừng trồng của Nhóm chứng chỉ rừng Thanh Chương số 2

Phỏng vấn với người dân địa phương, cán bộ xã, cán bộ nhóm hộ chứng chỉ rừng, cán bộ Công ty TNHH Lâm nghiệp gỗ Thanh Chương và cán bộ kiểm lâm địa bàn, chúng tôi sơ bộ đưa ra danh sách một số loài động thực vật quý hiếm, thông thường như bảng sau:

TT	Tên Latin	Tên thường gọi	Hiện trạng ghi nhận qua phỏng vấn (PV) và quan sát (QS)							Tình trạng bảo tồn/bảo vệ		
			Xã Hoa Quân	Xã Đại Đồng	Xã Tam Đồng	Xã Cát Ngạn	Xã Thanh Đức	Xã Xuân Lâm	Cty LN Đô Lương	Sách đỏ Việt Nam 2007	Danh lục đỏ IUCN	Nghị định 06 2019 và ND 84
I	1. Linh Trường											
1	<i>Macaca mulatta</i>	Khi vàng										
II	2. Thú/thú nhỏ											
1	<i>Elephas maximus</i>	Voi châu á										
2	<i>Callosciurus erythraeus</i>	Sóc bụng đỏ	PV	PV	PV		PV					
3	<i>Ratufa sp.</i>	Sóc nâu		PV	PV	PV	PV	PV	PV			
4	<i>Melogale moschata</i>	Chồn bạc má	PV	PV	PV	PV	PV	PV	PV			
5	<i>Martes flavigula</i>	Chồn vàng	PV		PV		PV					
6	<i>Sus scrofa</i>	Lợn rừng			PV		PV					
7	<i>Berylmys bowersi</i>	Chuột mốc		PV	PV	PV						
8	<i>Rattus sp.</i>	Chuột rừng	PV		PV	PV		PV	PV			
9	<i>Rhizomys pruinosus</i>	Dúi	PV	PV	PV		PV	PV	PV			
10	<i>Muntiacus sp.</i>	Hoẵng	PV	PV	PV							
11	Felis bengalensis	Mèo rừng			PV							
III	3. Chim											
1	<i>Pycnonotus jocosus</i>	Chào mào	PV	PV	PV,QS	PV	PV,QS	PV	PV			
2	<i>Urocissa erythroryncha</i>	Phượng hoàng đất/Giê cùi	PV			PV						
3	<i>Centropus sinensis</i>	Bìm bịp lớn	PV	PV			PV	PV	PV			

TT	Tên Latin	Tên thường gọi	Hiện trạng ghi nhận qua phỏng vấn (PV) và quan sát (QS)							Tình trạng bảo tồn/bảo vệ		
			Xã Hoa Quân	Xã Thanh Ngọc	Xã Thanh Liên	Xã Cát Ngạn	Xã Thanh Đức	Xã Xuân Lâm	Cty LN Đô Lương	Sách đỏ Việt Nam 2007	Danh lục đỏ IUCN	Nghị định 06/2019 và ND 84/2021
4	<i>Centropus bengalensis</i>	Bìm bịp nhỏ	PV	PV	PV	PV	PV	PV	PV			
5	<i>Gallus gallus</i>	Gà rừng	PV	PV	PV	PV	PV					
6	<i>Accipiter sp.</i>	Diều hâu	PV	PV	PV			PV	PV			
7	<i>Otus sp.</i>	Cú mèo	PV	PV	PV			PV	PV			
8	Ardea cinerea	Diệc xám	PV	PV	PV	PV						
9	<i>Corvus sp.</i>	Quạ	PV		PV			PV	PV			
10	<i>Copsychus saularis</i>	Chích chòe than		PV	PV, QS	PV	QS	PV, QS	PV			
11	<i>Copsychus malabaricus</i>	Chích chòe lửa		PV	PV		PV					
12	<i>Passer domesticus</i>	Chim Sẻ		PV	PV	PV	PV	PV, QS	PV			
13	<i>Hirundinidae sp.</i>	Chim Én		PV					PV			
14	<i>Garrulax chinensis</i>	Khướu bạc má	PV		PV		PV	PV	PV			
15	<i>Accipitridae sp.</i>	Đại Bàng			PV							
16	<i>Garrulax leucolophus</i>	Khướu mỏ trắng/khướu bông	PV		PV		PV					
17	<i>Alcedo azurea</i>	Bói cá		QS	PV, QS	PV						
18	<i>Anas platyrhynchos</i>	Le le		QS	PV, QS							
19	<i>Anas poecilorhyncha</i>	Vịt trời		PV	PV, QS		QS					
20	<i>Dicrurus macrocercus</i>	Chèo bẻo			PV			PV	PV			
21	<i>Egretta garzetta</i>	Cò trắng	PV		PV, QS	PV	QS	PV	PV			
22	<i>Streptopelia chinensis</i>	Chim cu gáy	PV		PV		PV	PV	PV			

STT	Tên Latin	Tên thường gọi	Hiện trạng ghi nhận qua phỏng vấn (PV) và quan sát (QS)							Tình trạng bảo tồn/bảo vệ		
			Xã Hoa Quân	Xã Thanh Ngọc	Xã Thanh Liên	Xã Cát Ngạn	Xã Thanh Đức	Xã Xuân Lâm	Cty LN Đô Lương	Sách đỏ Việt Nam 2007	Danh lục đỏ IUCN	Nghị định 06 2019 và ND 84 2021
23	<i>Phaenicophaeus tristis</i>	Phuon	PV				QS					
24	<i>Garrulax canorus</i>	Họa my	PV		PV							
25	<i>Amaurornis phoenicurus</i>	Chim cuốc	PV	PV	PV			PV, QS	PV			
26	<i>Endynamis scolopacea</i>	Tu hú		PV	PV			PV	PV			
27	<i>Falco sp.</i>	Chim cắt			PV							
28	Motacilla cinerea	Chia vôi		PV	PV	PV		QS	PV			
IV	4. Bò Sát											
	Triox sinensis	Ba ba tron	PV	PV	PV	PV						
2	<i>Naja naja</i>	Rắn hổ mang	PV	PV	PV	PV	PV	PV	PV			IIB
3	<i>Ophiophagus hannah</i>	Rắn hổ mang chúa		PV	PV	PV	PV					IB
4	<i>Ptyas mucosa</i>	Rắn hổ châu	PV	PV			PV					
5	<i>Ptyas korros</i>	Rắn ráo thường	PV	PV	PV	PV	PV	PV	PV			
6	<i>Bungarus fasciatus</i>	Rắn cạp nong	PV	PV	PV	PV		PV	PV			
7	<i>Bungarus multicinctus</i>	Rắn cạp nia	PV	PV	PV	PV		PV	PV			
8	<i>Python reticulatus</i>	Trăn gấm	PV	PV	PV							
9	<i>Coelognathus radiata</i>	Rắn sọc dưa	PV		PV		PV	PV	PV			
10	<i>Vipera sp.</i>	Rắn lục	PV	PV			PV	PV	PV			
11	<i>Rhabdophis subminiatus</i>	Rắn hoa cỏ		PV	PV	PV	PV	PV	PV			

STT	Tên Latin	Tên thường gọi	Hiện trạng ghi nhận qua phỏng vấn (PV) và quan sát (QS)							Tình trạng bảo tồn/bảo vệ		
			Xã Hoa Quân	Xã Thanh Ngọc	Xã Thanh Liên	Xã Cát Ngạn	Xã Thanh Đức	Xã Xuân Lâm	Cty LN Đô Lương	Sách đỏ Việt Nam 2007	Danh lục đỏ IUCN	Nghị định 06
												2019 và
												ND 84
												2021
12	<i>Gekko gecko</i>	Tắc kè		PV	PV			PV	PV			
13	<i>Calotes versicolor</i>	Nhông rào		PV	PV	PV			PV			
14	<i>Mabuya sp.</i>	Thằn lằn		PV, QS				PV	PV			
V	5. Lưỡng Cư											
1	<i>Hoplobatrachus rugulosus</i>	Ếch đồng	PV	PV	PV	PV	PV	PV	PV			
2	<i>Fejervarya limnocharis</i>	Nghoé	PV	PV, QS	PV, QS	PV						
3	<i>Duttaphrynus melanostictus</i>	Cóc nhà	PV	PV, QS	PV, QS	PV	PV	PV, QS	PV, QS			
4	<i>Zhangixalus dennysi</i>	Ếch cây xanh	PV		PV		PV	PV	PV			
5	<i>Kaloula pulchra</i>	Ễnh ương	PV	PV	PV	PV		PV	PV			
6	<i>Zhangixalus dennysi</i>	Chẫu	PV	PV	PV		PV		PV			
7	<i>Hyla simplex</i>	Nhái bén	PV		PV	PV	PV	PV	PV			
VI	6. Cá											
1	<i>Anabas testudineus</i>	Cá rô đồng	PV		PV	PV		PV	PV			
2	<i>Channa striata</i>	Cá chuối	PV		PV	PV	PV	PV	PV			
3	<i>Oreochromis sp.</i>	Cá rô phi	PV	PV, QS	PV	PV	PV	PV	PV			
4	<i>Carassius gibelio</i>	Cá Diếc	PV		PV	PV	PV	PV	PV			
5	<i>Monopterus albus</i>	Lươn	PV		PV	PV	PV	PV	PV			
6	<i>Wallago attu</i>	Cá Nheo	PV				PV					
7	<i>Mastacembelus sp.</i>	Cá chạch	PV		PV	PV	PV	PV	PV			
8	<i>Cyprinus carpio</i>	Cá chép		PV+QS	PV			PV	PV			
9	<i>Aristichthys nobilis</i>	Cá mè			PV		PV	pV				
10	<i>Chanodichthys leuciscus</i>	Cá mương		PV+QS	PV			PV	PV			
11	<i>Labeo rohita</i>	Cá trôi					PV					

STT	Tên Latin	Tên thường gọi	Hiện trạng ghi nhận qua phỏng vấn (PV) và quan sát (QS)							Tình trạng bảo tồn/bảo vệ		
			Xã Hoa Quân	Xã Thanh Ngọc	Xã Thanh Liên	Xã Cát Ngạn	Xã Thanh Đức	Xã Xuân Lâm	Cty LN Đô Lương	Sách đỏ Việt Nam 2007	Danh lục đỏ IUCN	Nghị định 06 2019 và ND 84 2021
VII	7. Thực Vật											
1	<i>Acacia mangium & A. auriformis</i>	Keo lai	PV, QS	PV, QS	PV, QS	PV, QS	PV, QS	QS	QS			
2	<i>Canarium album</i>	Trám trắng		PV	PV		QS					
3	<i>Litsea glutinosa</i>	Bời lồi		PV	PV, QS			QS	QS			
4	<i>Castanea sp.</i>	Dẻ			PV			QS	QS			
5	<i>Macaranga denticulata</i>	Ba Soi			QS							
6	<i>Mallotus barbatus</i>	Bùng Bực/Ba bét			PV	PV	PV	QS	QS			
7	<i>Ficus auriculata</i>	Và		PV	PV	PV						
8	<i>Cratogeomys maingayi</i>	Thành Ngạnh	PV	PV	PV, QS			PV, QS	PV, QS			
9	<i>Rhodomyrtus tomentosa</i>	Sim		PV, QS	PV, QS	PV	PV	PV, QS	PV, QS			
10	<i>Rubus alceaefolius</i>	Mâm Xôi			PV, QS	PV		QS	QS			
11	<i>B. tonkinensis</i>	Bồ Cu Vẽ			PV							
12	<i>Melastoma sp</i>	Mua		PV, QS	PV, QS	PV	PV	QS, PV	QS, PV			
13	<i>Jasminum subtripplinerve</i>	Chè Vằng	pV	PV	PV		PV	PV, QS	PV			
14	<i>Ampelopsis cantoniensis</i>	Chè Dây	PV	PV	PV	PV	PV					
15	<i>Solanum hainanense</i>	Cà Gai leo		PV	PV		PV					
16	<i>Camellia sinensis</i>	Chè (Trà)		PV+QS	PV+QS	PV+QS	PV					
17	Knema lenta	Máu chó kính	PV									
18	Fibraurea recisa	Hoàng đằng	PV									
19	<i>Vatica sp</i>	Tấu	PV									

TT	Tên Latin	Tên thường gọi	Hiện trạng ghi nhận qua phỏng vấn (PV) và quan sát (QS)							Tình trạng bảo tồn/bảo vệ		
			Xã Hoa Quân	Xã Thanh Ngọc	Xã Thanh Liên	Xã Cát Ngạn	Xã Thanh Đức	Xã Xuân Lâm	Cty LN Đô Lương	Sách đỏ Việt Nam 2007	Danh lục đỏ IUCN	Nghị định 06/2019 và ND 84/2021
20	Schefflera sp	Chân chim										
21	<i>Erythrophleum fordii</i>	Lim xanh	PV		PV							
22	<i>Heterosmilax gandichaudiana</i>	Khúc Khắc	PV		PV, QS							
23	<i>Tetracera scandens</i>	Chạc chiu	PV					PV, QS	PV, QS			
24	Gelsemium elegans	Lá ngón		PV				QS	QS			
25	Lonicera japonica	Kim Ngân		PV	PV	PV						
26	<i>Calamus sp.</i>	Mây		PV								
27	<i>Pinus merkusii</i>	Thông nhựa			QS			QS	PV, QS			
28	<i>Eucalyptus camaldulensis</i>	Bạch đàn trắng			QS			QS	QS			
29	<i>Endospermum chinense</i>	Vạng trứng					QS					
30	<i>Canarium tramdenum</i>	Trám đen					PV, QS					
31	<i>Manglietia conifera</i>	Mỡ					QS		QS			

Ghi chú: CR: Cực kỳ nguy cấp; EN: Nguy cấp; VU: Sẽ nguy cấp; LR-NT: Ít nguy cấp; DD: Thiếu số liệu; N/E: Chưa đánh giá.

E: Đang nguy cấp; V: Sẽ nguy cấp; R: Hiếm; K: Biết không chính xác.

I: Nhóm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại; II: Nhóm hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.

Phụ lục 5: Một số hệ sinh thái rừng hiếm có, nguy cấp và đang bị đe dọa ở Việt Nam

Loại rừng	Trạng thái rừng
Rừng đỉnh và cận đỉnh (≥ 2600 m)	Rừng còn trong điều kiện tốt, diện tích rộng, ít tác động
Rừng núi cao (1500 – 2600 m)	Rừng còn trong điều kiện tốt, diện tích rộng, ít tác động
Rừng lá kim tự nhiên	Rừng còn trong điều kiện tốt, ít tác động
Rừng trên núi đá vôi	Rừng còn trong điều kiện tốt, ít tác động
Rừng ngập mặn	Rừng còn trong điều kiện tốt, ít tác động
Côn cát	Rừng còn trong điều kiện tốt, ít tác động
Rừng thường xanh trên núi đất thấp	Trung bình, giàu, nguyên sinh
Rừng khộp	Trung bình, giàu, nguyên sinh
Đầm lầy nước ngọt	Trung bình, giàu, nguyên sinh
Rừng bán thường xanh	Rừng còn trong điều kiện tốt, diện tích rộng, ít tác động

Ghi chú: Các chỉ số đối với giá trị này ở Việt Nam chỉ có giá trị tham khảo.

Phụ lục 6: Tổng hợp các tuyến, điểm khảo sát hiện trường

TT	Thời gian	Tuyến/khu vực	Xã cũ	Xã Mới
1	06/03/2024	Khu rừng Keo hộ Đặng Minh Chương, hộ Nguyễn Công Tùng, Đền Bạch Y	Thanh Ngọc	Đại Đồng
		Tiểu khu 996, Tiểu khu 978, Khe Man Tác	Thanh An	Hoa Quân
		Khu rừng Keo hộ Trần Đình Chung,	Thanh Mỹ	Tam Đồng
		Đền Chùa Sen, Đập Bang Nhượng	Thanh Ngọc	Đại Đồng
		Khu rừng Đá Bạc, Khu rừng Đại Can	Thanh Mỹ	Tam Đồng
2	07/03/2024	Đập 11/10, Đập 32, Đập Bong Banh	Thanh Đức	Hạnh Lâm
		Khu rừng Keo quanh Đập Khe Dẻ, Đập 19/5	Thanh Đức	Hạnh Lâm
		Khu rừng nhà bác Mại - Tiểu Khu Hồ Đá Bái, Tiểu khu 978S	Võ Liệt	Hoa Quân
		Đình Võ Liệt, Đền Bạch Mã	Võ Liệt	Hoa Quân
		Khu rừng Khe Lài, Rừng Đồng Nhộn	Thanh Đức	Hạnh Lâm
3	08/03/2024	Khu rừng Keo hộ Trần Ngọc Long, Bùi Hữu Kỷ	Thanh Nho	Cát Ngạn
		Khảo Sát tuyến rừng trồng tại xóm 1 và xóm 5	Hạnh Lâm	Hạnh Lâm
		Khu rừng Keo hộ Nguyễn Đức Sỹ	Thanh Thịnh	Hoa Quân
		Đập Bàu Và	Thanh Nho	Cát Ngạn
		Đền Bà Chúa Yến	Hạnh Lâm	Hạnh Lâm

4	04/08/2025	Khu vực rừng keo thuộc tiểu khu 978I, khoảnh 2, thôn Lam Thắng, xã Xuân Lâm - Tuyến 1 rừng keo của các hộ: Nguyễn Viết Tùng, Lê Đình Lương Lê Đình Dũng, Lê Quang Tài Lê Đình Sơn, Hoàng Văn Tình - Tuyến 2 rừng keo của các hộ: Lê Đình Thanh, Lê Đình Đường Phạm Bá Dũng, Nguyễn Trọng Dân Nguyễn Trọng Lệ, Nguyễn Trọng Nga Nguyễn Viết Mai		Xuân Lâm
		- Tuyến 3 rừng keo của các hộ thuộc xóm Lam Hồng: Lê Ngọc Chương, Nguyễn Công Anh Nguyễn Đăng Huân, Lê Đình Định Lê Tiến Phúc, Võ Trọng Thành Nguyễn Công Thân, Nguyễn Công Chiến		Xuân Lâm
5	05/08/2025	-Tuyến 4 rừng keo thuộc khu vực tiểu khu 957C, khoảnh 3 của các hộ trạm Mỹ Sơn: Nguyễn Văn Đông, Nguyễn Văn Tám, Hoàng Văn Đô, Đặng Bá Hiếu, Hoàng Văn Thành, Đặng Bá Nam, Đặng Công Thương, Đặng Quang Trung		Cty TNHH Lâm Nghiệp Đô Lương
		Tuyến 5 rừng keo thuộc tiểu khu 951, trạm Giang Sơn của các hộ: Lê Đình Tân, Lê Đình Tuấn, Tô Ngọc Tuấn, Nguyễn Bá Trường, Hoàng Văn Tuấn, Trần Văn Bảy, Phan Sỹ Trà, Nguyễn Thế Hòa, Trương Công Long, Ngô Trí Minh, Trần Hữu Vang		Cty TNHH Lâm Nghiệp Đô Lương
		Tuyến 6 rừng keo khu vực tiểu khu 955C, trạm Quyết Thắng: Phạm Văn Hùng, Phan Hồng Tiến, Lê Đình Tuấn, Tô Ngọc Tuấn, Hoàng Thị Minh Đức, Phan Thanh Hiếu, Bùi Xuân Lưu, Hoàng Ngọc Anh, Trần Thái Vinh, Nguyễn thị Dung, Phạm Văn Anh, Nguyễn Thị Hải Yến, Nguyễn Văn Nam, Lê Đình Tân, Nguyễn Xuân Sơn		Cty TNHH Lâm Nghiệp Đô Lương

Phụ lục 7: Phiếu điều tra

Thời gian: Ngày tháng ... năm 20...

Địa điểm: Tỉnh Nghệ An

Xã:.....;Huyện:

Tên nhóm được phỏng vấn/danh sách hộ phỏng vấn:.....

1. Tên hộ phỏng vấn, diện tích tham gia, tên lô?:

STT	Tên chủ hộ	Tham gia nhóm chứng chỉ (có/không)?	Diện tích tham gia (ha)	Thôn
1				
2				
3				
4				
5				
6				

2. Gần đây có khu rừng đặc dụng hay khu đề xuất nào không?

.....
.....
.....
.....

Có các loài động vật, thực vật nào xuất hiện ở khu vực rừng tham gia trong nhóm hộ?

Nhóm loài	Tên loài
Thú	
Chim	
Bò sát	
Lưỡng cư	
Cá	
Thực vật	

Loài nào được coi là nguy cấp?

.....
.....
.....
.....

Có khu vực rừng nào là rừng tự nhiên liền kề ở đây?

.....
.....

.....
.....
Có những loài nào/nhóm loài quý hiếm? Kể tên
.....
.....

.....
.....
Có hệ sinh thái tự nhiên quý hiếm, đặc trưng trong khu vực rừng trồng của nhóm hộ?
Kể tên
.....
.....
.....

.....
.....
Có diện tích rừng nào được xếp là rừng phòng hộ? Kể tên
.....
.....
.....

.....
.....
Có diện tích rừng nào có ý nghĩa đáp ứng nhu cầu cơ bản đối với cộng đồng địa
phương ở đây? Kể tên
.....
.....
.....

.....
.....
Có diện tích rừng nào có ý nghĩa văn hoá, lịch sử, tôn giáo đối với cộng đồng địa
phương ở đây? Kể tên
.....
.....
.....

-----XIN CẢM ƠN-----

KHẢO SÁT HIỆN TRƯỜNG

Tuyển khảo sát:
.....
.....

Ghi nhận:

Nhóm loài	Tên loài
Thú	
Chim	
Bò sát	
Lưỡng cư	
Cá	
Thực vật	

Tuyển khảo sát:

.....
.....
.....

Ghi nhận:

Nhóm loài	Tên loài
Thú	
Chim	
Bò sát	
Lưỡng cư	
Cá	
Thực vật	

Tuyển khảo sát:

.....
.....
.....

Ghi nhận:

Nhóm loài	Tên loài
Thú	
Chim	
Bò sát	
Lưỡng cư	
Cá	
Thực vật	